

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ NGỌC GIÀU

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HÔN NHÂN CÓ YẾU TỐ
NƯỚC NGOÀI TỪ THỰC TIỄN TỈNH HẬU GIANG**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2017

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ NGỌC GIÀU

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HÔN NHÂN CÓ YẾU TỐ
NƯỚC NGOÀI TỪ THỰC TIỄN TỈNH HẬU GIANG

Chuyên ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

Mã số: 60.38.01.02

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS.TS. LÊ THỊ HƯƠNG

HÀ NỘI - 2017

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HÔN NHÂN CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI	7
1.1. Quan niệm quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài.....	7
1.2. Cấu thành quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài	23
1.3. Các yếu tố ảnh hưởng và các điều kiện bảo đảm quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài	29
Chương 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HÔN NHÂN CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI Ở TỈNH HẬU GIANG VÀ CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HÔN NHÂN CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI TỪ THỰC TIỄN TỈNH HẬU GIANG	38
2.1. Tình hình hôn nhân có yếu tố nước ngoài và thực trạng quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài ở tỉnh Hậu Giang	38
2.2. Các giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài từ thực tiễn tỉnh Hậu Giang	56
KẾT LUẬN	71
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	73

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Bảng thống kê số lượng kết hôn có yếu tố nước ngoài (từ năm 2011 - 2015).....	40
Bảng 2.2: Biểu đồ kết hôn và ghi chú kết hôn qua các năm (2011 - 2015)	41
Bảng 2.3: Biểu đồ thống kê số lượng (phụ nữ) Việt Nam kết hôn với người nước ngoài.	42

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Ở Việt Nam trước đây hôn nhân có yếu tố nước ngoài là một loại quan hệ không phổ biến. Tuy nhiên, trong những năm gần đây do chính sách mở rộng hội nhập quốc tế của Đảng và nhà nước ta đã làm cho đời sống của nhân dân được cải thiện đáng kể. Cùng với sự phát triển của quá trình giao lưu quốc tế, các quan hệ về hôn nhân và gia đình giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài cũng phát sinh ngày càng nhiều. Vì vậy, hôn nhân có yếu tố nước ngoài không còn là hiện tượng hiếm hoi trong đời sống xã hội.

Cùng với những biến động nhanh chóng của nền kinh tế thị trường, các quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài không chỉ tăng nhanh về số lượng mà ngày càng trở nên đa dạng, phức tạp và bộc lộ những hiện tượng tiêu cực. Trong đó có hiện tượng kết hôn giả với Việt kiều nhằm hợp thức hóa việc xuất cảnh và định cư ở nước ngoài. Bên cạnh đó, hiện tượng phụ nữ Việt Nam kết hôn với người nước ngoài vì nhiều mục đích khác nhau đang là vấn đề bức xúc trong dư luận xã hội.

Trong hơn hai mươi năm trở lại đây, hôn nhân giữa phụ nữ Việt Nam với người nước ngoài ngày càng phổ biến. Thậm chí có nơi, có lúc hôn nhân có yếu tố nước ngoài đã trở thành một hiện tượng hay “trào lưu” ở khắp nơi trong cả nước. Chính vì thế, việc điều chỉnh quan hệ này trở thành một yêu cầu cấp bách, quan trọng nhằm làm ổn định và phát triển giao lưu dân sự quốc tế, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân các nước có liên quan. Để kịp thời điều chỉnh được các quan hệ hôn nhân và gia đình nói chung, quan hệ kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài nói riêng. Cần có các biện pháp quản lý một cách cụ thể nhằm ổn định và duy trì sự phát triển của quan hệ này trong xã hội ngày nay.

Hậu giang là một trong những tỉnh có tỷ lệ phụ nữ kết hôn với người nước ngoài cao trong cả nước. Kết hôn với người nước ngoài được pháp luật Nhà nước ta công nhận và tạo mọi điều kiện pháp lý để công dân ta có khả năng kết hôn theo nguyện vọng. Vấn đề đặt ra là có không ít cô dâu Việt bị đối xử tàn tệ ở nước ngoài hoặc gặp phải nhiều tình huống “dở khóc dở cười” kéo theo nhiều vấn đề

phức tạp nảy sinh, đòi hỏi sự quản lý chặt chẽ của nhà nước nhằm bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các bên khi tham gia vào quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Nhằm kiểm tra và đánh giá lại công tác quản lý nhà nước liên quan đến lĩnh vực này trong thời gian qua có những ưu điểm và hạn chế gì để từng bước khắc phục và hoàn thiện chính chu hơn trong những năm tiếp theo.

Quan tâm đến vấn đề này, tác giả muốn tìm hiểu ***“Quản lý Nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài từ thực tiễn tỉnh Hậu Giang”*** làm đề tài luận văn tốt nghiệp. Đồng thời, tìm ra các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài cho tỉnh nhà.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài được quy định trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật và cũng được triển khai sâu rộng đến với người dân nhưng hiệu quả mang lại chưa cao. Trên cơ sở kế thừa một số công trình nghiên cứu và các bài báo của các tác giả như: *“Phụ nữ kết hôn với người nước ngoài ở tỉnh Hậu giang. Thực trạng và giải pháp”* tác giả: Phòng Quản lý xuất nhập cảnh- Công an tỉnh Hậu Giang; Luận văn thạc sĩ *“Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam trong xu thế hội nhập”* tác giả Nguyễn Cao Hiến; Tham luận (trong dự án) *“Hỗ trợ hôn nhân Hàn Quốc trên địa bàn Hậu Giang”* tác giả Nguyễn Hồng Hải - Phó trưởng phòng Phòng Quản lý xuất nhập cảnh (Công an tỉnh Hậu Giang); Bài viết *“Quản lý Nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài”* tác giả Dương Tiến Dũng - Phòng Hành chính tư pháp (Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc); Chuyên đề *“Tình hình kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực phía Nam- Thực trạng và giải pháp”* Cục Công tác phía Nam - Bộ Tư pháp; Chuyên đề *“Tình hình quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài tại tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu”* Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Tham luận *“Thực trạng cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Việt Nam đăng ký kết hôn với người nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”* Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang; Tham luận *“Công tác phối hợp giữa Sở Tư pháp và Công an tỉnh trong việc xác minh hồ sơ đăng ký kết hôn có yếu tố nước*

ngoài tại tỉnh Tây Ninh” Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh; Chuyên đề “Công tác tham mưu của Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong quản lý nhà nước về đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại tỉnh Đồng Tháp” Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp; Tham luận “Thực trạng phụ nữ kết hôn với người nước ngoài tại tỉnh Sóc Trăng và một số giải pháp” Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng; Chuyên đề “Hoạt động tư vấn trước khi kết hôn, định hướng, giới thiệu kiến thức cơ bản khi ra nước ngoài sinh sống, hỗ trợ hoàn thiện thủ tục pháp lý cho phụ nữ kết hôn với người nước ngoài tại Thành phố Cần Thơ” Hội Liên hiệp phụ nữ thành phố Cần Thơ; Tham luận “Công tác nâng cao chất lượng, đổi mới hoạt động của Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài tại tỉnh An Giang” Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh An Giang và một số sách, báo có nội dung liên quan đến công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

Trên cơ sở kế thừa và phát huy một số các công trình nghiên cứu (kể trên) tác giả tiếp cận theo 02 hướng như sau: (1) Kế thừa một số giải pháp căn bản để hoàn thiện và đảm bảo thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài tại tỉnh Hậu Giang; (2) Tập trung nghiên cứu và tìm hiểu khái niệm, đặc điểm, chủ thể, nội dung của việc quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Đồng thời, nêu lên thực tiễn công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài của tỉnh Hậu Giang. Từ đó, có những đề xuất và giải pháp nhằm hoàn thiện để đảm bảo thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước nước liên quan đến lĩnh vực này theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận văn là qua quá trình nghiên cứu các quy định của pháp luật quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài từ thực tiễn tỉnh Hậu Giang từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và một số giải pháp khác nhằm nâng cao hơn nữa hoạt động quản lý hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Để đạt được mục đích nghiên cứu trên, Luận văn cần phải giải quyết được những nhiệm vụ cụ thể sau:

- Làm rõ một số vấn đề lý luận về quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài như: khái niệm, đặc điểm, mục tiêu, vai trò và cấu thành quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài;

- Phân tích thực trạng công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài ở tỉnh Hậu Giang. Đồng thời đánh giá thực trạng công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài của tỉnh. Từ đó, đề xuất những giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài từ thực tiễn tỉnh Hậu Giang.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Đánh giá và phân tích thực trạng quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài của tỉnh Hậu Giang. Qua đây, sẽ nêu lên những ưu điểm và những hạn chế của công tác quản lý. Giúp các cơ quan chức năng, đơn vị, tổ chức có liên quan đến công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài từng bước nâng cao hiệu quả quản lý. Mặt khác, khắc phục những hạn chế của quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài nhằm thực hiện tốt hơn nhiệm vụ chính trị của đơn vị mình.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là một số vấn đề lý luận quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài như: Hàn Quốc, Singapo; các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; pháp luật hôn nhân và gia đình của Việt Nam cũng như một số nước trên thế giới về vấn đề này; công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài trong những năm gần đây và thực trạng pháp luật điều chỉnh và các thiết chế đảm bảo thực thi việc quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của luận văn: trong khuôn khổ của một luận văn thạc sĩ, luận văn tập trung vào một số vấn đề sau:

- Những quy định của pháp luật quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Trong đó, tập trung chủ yếu vào công tác quản lý nhà nước và các giải pháp

hoàn thiện quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài từ thực tiễn tỉnh Hậu Giang.

- Các quy định của pháp luật liên quan đến việc quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài như: Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Bộ luật dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật khác liên quan. Trong đó, luận văn tập trung nghiên cứu: Quan niệm quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài; Cấu thành quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài; Xem xét các yếu tố ảnh hưởng và các điều kiện bảo đảm quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Bên cạnh đó, luận văn còn khái quát tình hình quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài của tỉnh Hậu Giang và các giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn được nghiên cứu trên cơ sở kết hợp các phương pháp chủ yếu như phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật; phương pháp phân tích luật học; phương pháp phân tích - so sánh; phương pháp tổng hợp (trên cơ sở phân tích, so sánh và tham khảo pháp luật nước ngoài); phương pháp trích dẫn, phương pháp thống kê, phương pháp chuyên gia v.v... Trên cơ sở phương pháp phân tích, tổng hợp, đánh giá về cơ sở lý luận và thực tiễn của pháp luật quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Đặc biệt đánh giá, phân tích thực trạng pháp luật Việt Nam điều chỉnh công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài đã lựa chọn, tác giả rút ra những ưu điểm, hạn chế trong việc thi hành pháp luật, từ đó đề ra các giải pháp cụ thể nhằm sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện pháp luật.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Với tính cách là một trong những công trình khoa học (thuộc chuyên ngành luật Hiến pháp - Hành chính) nghiên cứu một cách có hệ thống các vấn đề về cơ sở lý luận và thực tiễn của pháp luật điều chỉnh công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài, kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ mang lại những đóng góp như sau:

Thứ nhất, trên cơ sở nghiên cứu, phân tích các khái niệm có liên quan tác giả đã đưa ra khái niệm về hôn nhân có yếu tố nước ngoài và khái niệm quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Việc đưa ra các khái niệm này trong tình hình hiện nay là cần thiết, góp phần quan trọng vào công tác nghiên cứu và giảng dạy về pháp luật nói chung, pháp luật hôn nhân và gia đình nói riêng, củng cố cho nền khoa học pháp lý nước ta.

Thứ hai, luận văn phân tích, đánh giá một cách khoa học những quy định của pháp luật công tác quản lý hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Đặc biệt, là vấn đề quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài của tỉnh Hậu Giang trong những năm gần đây (từ năm 2011 đến năm 2015).

Thứ ba, luận văn đã xác định những bất cập trong các quy định của pháp luật trong quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài cần phải hoàn thiện, những vướng mắc trong việc thực thi pháp luật cần phải khắc phục và xác định rõ nguyên nhân của thực trạng đó.

Thứ tư, kết quả nghiên cứu mới của luận văn sẽ là nguồn tư liệu mang tính lý luận và thực tiễn sâu sắc để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể tham khảo góp phần hoàn thiện một số quy định của pháp luật có liên quan đến công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Đồng thời, những kết quả nghiên cứu của luận văn có thể được dùng làm tư liệu học tập, tài liệu tham khảo, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo luật hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân quan tâm đến công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu Luận văn còn có 02 chương:

Chương 1. Những vấn đề lý luận quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài

Chương 2. Thực trạng quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài ở tỉnh Hậu Giang và các giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài từ thực tiễn tỉnh Hậu Giang

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HÔN NHÂN CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI

1.1. Quan niệm quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm hôn nhân có yếu tố nước ngoài

1.1.1.1. Khái niệm hôn nhân có yếu tố nước ngoài

Hôn nhân trước hết là một hiện tượng xã hội, là sự liên kết giữa đàn ông và đàn bà. Trong xã hội có giai cấp, hôn nhân mang tính giai cấp. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, hôn nhân là sự liên kết giữa người đàn ông và người đàn bà được pháp luật thừa nhận để xây dựng gia đình và chung sống với nhau suốt đời. Sự liên kết đó phát sinh, hình thành do việc kết hôn và được biểu hiện ở một quan hệ xã hội gắn liền với nhân thân, đó là quan hệ vợ chồng. Quan hệ này là quan hệ giữa những người khác giới tính, thực chất và ý nghĩa của nó thể hiện trọng việc sinh đẻ, nuôi nấng và giáo dục con cái, đáp ứng lẫn nhau những nhu cầu tinh thần và vật chất trong đời sống hàng ngày. Vai trò và ý nghĩa này của hôn nhân đều có trong xã hội.

Hôn nhân ở xã hội nào mà các quan hệ hôn nhân được coi là quan hệ pháp luật thì sự liên kết giữa người đàn ông và người đàn bà là hình thức các quan hệ đó mang ý nghĩa như một sự kiện pháp lý làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ nhất định cho các bên vợ và chồng. Trong mỗi giai đoạn phát triển của lịch sử, giai cấp thống trị bằng pháp luật điều chỉnh các quan hệ hôn nhân cho phù hợp với ý chí, nguyện vọng của mình, phục vụ lợi ích giai cấp của mình. Rõ ràng hôn nhân là một hiện tượng xã hội mang tính giai cấp. Ở xã hội nào thì có hình thái hôn nhân đó và tương ứng với nó là chế độ hôn nhân nhất định như ở xã hội phong kiến có hôn nhân phong kiến, ở xã hội tư bản có hôn nhân tư sản, ở xã hội chủ nghĩa có hôn nhân xã hội chủ nghĩa [26].

Theo quy định của pháp luật hiện hành tại khoản 1 Điều 3 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Hôn nhân là quan hệ giữa vợ và chồng sau khi kết hôn*”. Theo cách hiểu này, hôn nhân là quan hệ giữa vợ và chồng được xác lập từ thời điểm kết hôn đến trước khi chấm dứt quan hệ hôn nhân. Hành vi kết hôn là hành

vi làm phát sinh quan hệ hôn nhân. Do đó để phát sinh quan hệ hôn nhân nam và nữ phải tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và phải đăng ký kết hôn trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Từ khái niệm về hôn nhân chúng ta có thể thấy được những đặc trưng của hôn nhân bao gồm các nội dung như:

- Hôn nhân là sự liên kết giữa một người nam và một người nữ.
- Hôn nhân là sự liên kết trên cơ sở tự nguyện của hai bên nam và nữ.
- Cùng nhau chung sống và xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ và hạnh phúc.
- Các bên tham gia quan hệ pháp luật hôn nhân phải tuân thủ các quy định của pháp luật.

Theo Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam đó là sự kết hợp giữa một người đàn ông và một người đàn bà trên nguyên tắc bình đẳng và hoàn toàn tự nguyện theo quy định của pháp luật nhằm chung sống với nhau suốt đời và xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ và hạnh phúc.

Với chính sách hòa bình, hữu nghị, mở rộng giao lưu và hợp tác với tất cả các nước trên thế giới. Quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài của nước ta ngày càng phát triển một cách đa dạng và phức tạp cả về bề rộng lẫn bề sâu. Việc điều chỉnh các quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài trở thành một yêu cầu cấp bách, quan trọng nhằm làm ổn định và phát triển giao lưu dân sự quốc tế, đồng thời bảo vệ được quyền, lợi ích hợp pháp của công dân nước mình và công dân của các nước có liên quan khi tham gia vào quan hệ hôn nhân ở Việt Nam, tại chương VIII Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định riêng để điều chỉnh về quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Tuy nhiên, trong Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cũng như Luật hôn nhân và gia đình (1959, 1986, 2000 và đến nay là Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014) không đưa ra khái niệm hay định nghĩa riêng về hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Mà chỉ nêu lên khái niệm về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.

Theo quy định tại khoản 25 điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài là “*Quan hệ hôn nhân và gia đình mà ít nhất một bên tham gia là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài; quan hệ hôn nhân và gia đình giữa các bên tham gia là công dân*

Việt Nam nhưng căn cứ để xác lập, thay đổi, chấm dứt quan hệ đó theo pháp luật nước ngoài, phát sinh tại nước ngoài hoặc tài sản liên quan đến quan hệ đó ở nước ngoài”. Trong đó, người nước ngoài là người không có quốc tịch Việt Nam, bao gồm người có quốc tịch nước ngoài và người không quốc tịch [31].

Người Việt Nam định cư tại nước ngoài là người có quốc tịch Việt Nam và người gốc Việt Nam, đang làm ăn cư trú, sinh sống tại nước ngoài (Nghị định 138/2006/NĐ-CP). Lưu ý, theo như luật quốc tịch thì “Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài là người Việt Nam đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch của họ được xác định theo nguyên tắc huyết thống và con, cháu của họ đang cư trú, sinh sống lâu dài ở nước ngoài [33].

1.1.1.2. Đặc điểm của hôn nhân có yếu tố nước ngoài

Cũng như quan hệ hôn nhân trong nước, quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài cũng có những đặc điểm tương tự, ngoài những đặc điểm chung thì quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài còn mang những đặc điểm riêng của nó.

Đối tượng điều chỉnh quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài: Việc điều chỉnh quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài không chỉ phụ thuộc vào pháp luật trong nước mà còn phụ thuộc vào pháp luật nước ngoài, các điều ước quốc tế và tập quán quốc tế. Các nước trên thế giới có nhiều quan điểm khác nhau về “yếu tố nước ngoài” trong quan hệ hôn nhân ở Việt Nam “yếu tố nước ngoài” được quy định tại khoản 25 Điều 3 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong luật có nêu rõ quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài là quan hệ kết hôn và ly hôn:

- + Giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài;
- + Giữa người nước ngoài với nhau thường trú tại Việt Nam;
- + Giữa công dân Việt Nam với nhau mà căn cứ để xác lập, thay đổi, chấm dứt quan hệ đó theo pháp luật nước ngoài hoặc tài sản liên quan đến quan hệ đó ở nước ngoài.

Như vậy, theo các quy định trên, quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài có thể hiểu là quan hệ hôn nhân có những đặc điểm cơ bản sau:

Yếu tố chủ thể: Cơ sở pháp lý quan trọng để xác định tư cách chủ thể trong quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài là vấn đề của các bên khi tham gia vào quan hệ này. Quốc tịch được hiểu là sự lệ thuộc của cá nhân vào một nhà nước nhất định và đây cũng là cơ sở pháp lý để cá nhân được hưởng quyền và phải thực hiện những nghĩa vụ nhất định đối với nhà nước mà họ mang quốc tịch. Khi công dân Việt Nam tham gia vào quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài thì đòi hỏi công dân đó phải có năng lực chủ thể, tức là cá nhân đó phải có năng lực pháp luật và năng lực hành vi. Năng lực chủ thể là đặc trưng không thể thiếu được khi chủ thể muốn tham gia vào quan hệ pháp luật. Vấn đề năng lực chủ thể, trong lĩnh vực hôn nhân có yếu tố nước ngoài của công dân Việt Nam trước tiên được xác định trên cơ sở của pháp luật Việt Nam, cụ thể là được quy định trong Bộ luật Dân sự Việt Nam năm 2015.

Ngoài công dân Việt Nam là chủ thể cơ bản trong quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài thì người nước ngoài cũng là một chủ thể quan trọng trong quan hệ này. Theo quy định của pháp luật hiện hành thì người nước ngoài là người không có quốc tịch Việt Nam, bao gồm công dân nước ngoài và người không quốc tịch. Để được tham gia vào quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam thì người nước ngoài đó cũng phải có năng lực pháp luật và năng lực hành vi mà việc xác định năng lực chủ thể này trước tiên là phụ thuộc vào pháp luật mà họ mang quốc tịch.

Trường hợp, người nước ngoài là người không có quốc tịch thì việc xác định năng lực này phụ thuộc vào pháp luật nước mà người đó cư trú và cũng theo các quy định của pháp luật dân sự Việt Nam thì cho rằng người nước ngoài có năng lực pháp luật dân sự tại Việt Nam như công dân Việt Nam trừ trường hợp pháp luật có quy định khác [30]. Ngoài năng lực pháp luật ra thì người nước ngoài muốn tham gia vào quan hệ hôn nhân thì họ cần phải có năng lực hành vi. Theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho thấy, pháp luật Việt Nam đã sử dụng chủ yếu nguyên tắc Luật Quốc tịch để xác định năng lực hành vi của người nước ngoài. Tuy nhiên,

trong một số trường hợp năng lực hành vi dân sự của người nước ngoài còn được xác định theo pháp luật dân sự Việt Nam.

Yếu tố khách thể: Là lợi ích các bên mong muốn đạt được khi tham gia vào quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Bao gồm: Quốc tịch, tài sản, quyền làm cha, mẹ,... Tuy nhiên, khi đề cập đến hôn nhân có yếu tố nước ngoài thì phần lớn “khách thể” trong quan hệ này được xác định là tài sản. Tài sản là khách thể của quan hệ hôn nhân thường xảy ra khi có tranh chấp phát sinh giữa các thành viên trong gia đình có cùng quốc tịch nhưng tài sản lại nằm ở nước ngoài. Khi nói đến tài sản có yếu tố nước ngoài người ta thường chú ý đến quy chế pháp lý của tài sản, quyền của các thành viên trong gia đình và của người thứ ba liên quan đến tài sản cụ thể. Ngoài tài sản và quyền tài sản là khách thể của quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài thì quyền nhân thân cũng là khách thể của quan hệ này. Trong quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài tình cảm là yếu tố gắn kết các thành viên là một yếu tố rất quan trọng và trong nhiều trường hợp nó là căn cứ cho việc xác lập, thay đổi hay chấm dứt quan hệ hôn nhân.

Sự kiện pháp lý: Sự kiện pháp lý trong quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài phải là sự kiện pháp lý xảy ra ở nước ngoài. Nó có thể là sự kiện, hành vi... phù hợp với pháp luật Việt Nam hoặc pháp luật nước ngoài. Căn cứ theo các biện pháp tác động đến các quan hệ xã hội, sự kiện pháp lý được chia thành sự kiện làm xác lập (phát sinh), thay đổi và chấm dứt quan hệ hôn nhân.

- Sự kiện pháp lý làm xác lập (phát sinh) quan hệ hôn nhân

Trong trường hợp việc kết hôn được tiến hành ở nước ngoài và các bên có cùng quốc tịch với nhau. Ví dụ: công dân Việt Nam kết hôn với nhau tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nước ngoài thì pháp luật được áp dụng để giải quyết như điều kiện kết hôn và nghi thức kết hôn của các bên là pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài. Thường thì, pháp luật Việt Nam sẽ điều chỉnh về điều kiện kết hôn đối với công dân Việt Nam, còn pháp luật nước ngoài sẽ điều chỉnh về nghi thức kết hôn trên cơ sở áp dụng nguyên tắc chọn luật nơi tiến hành kết hôn. Hôn nhân này được coi là hợp pháp khi các bên chủ thể có đủ điều kiện kết hôn theo

theo quy định của pháp luật mà mình mang quốc tịch. Bên cạnh đó, nghi thức kết hôn của hôn nhân còn phải phù hợp với pháp luật nơi tiến hành kết hôn. Như vậy, sự kiện pháp lý làm phát sinh quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài đòi hỏi phải chọn luật giải quyết.

- Sự kiện pháp lý làm thay đổi quan hệ hôn nhân

Trong thực tiễn, có nhiều trường hợp các chủ thể trong quan hệ hôn nhân không còn coi nhau như vợ chồng nhưng chưa muốn ly hôn với nhau. Trong trường hợp này một số nước công nhận ly thân, pháp luật cho các bên ly thân với nhau nhưng dựa trên phán quyết của tòa án. Việc tòa án tuyên một quyết định cho các bên ly thân được coi là sự kiện pháp lý làm thay đổi quan hệ hôn nhân. Quan hệ hôn nhân trong trường hợp này chưa bị chấm dứt nhưng quan hệ vợ chồng thì đã bị thay đổi. Sự thay đổi này thể hiện trong quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản của vợ chồng được điều chỉnh bởi quyết định của tòa án. Một khi sự kiện pháp lý làm thay đổi quan hệ hôn nhân xảy ra ở nước ngoài thì vấn đề chọn luật áp dụng sẽ được đặt ra.

- Sự kiện pháp lý làm chấm dứt quan hệ hôn nhân.

Pháp luật thường đề cập đến sự kiện pháp lý này là sự kiện ly hôn. Trong trường hợp các bên tiến hành ly hôn ở nước ngoài thì luật áp dụng là luật của nước mà các bên đó mang quốc tịch và pháp luật của nước nơi tiến hành ly hôn trong trường hợp này việc chọn luật áp dụng lại được đặt ra.

Ví dụ: Năm 2010 anh Kimsiwon (Hàn Quốc) kết hôn với chị Nguyễn Thị Nữ (Việt Nam). Trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm anh và chị quyết định ly hôn. Thì ly hôn là sự kiện làm chấm dứt quan hệ hôn nhân (vợ - chồng) giữa anh Kimsiwon và chị Nguyễn Thị Nữ.

Sự phát sinh, thay đổi hay chấm dứt quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài giữa các bên chủ thể khi tham gia vào quan hệ này cần phải có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận sự kiện hoặc hành vi đó, việc xác định đúng thời điểm mà sự kiện pháp lý làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài có vai trò rất quan trọng, trong việc cơ quan nhà nước có

thẩm quyền chọn luật để áp dụng để giải quyết xung đột phát sinh giữa các bên và trong từng trường hợp cụ thể.

Phương pháp điều chỉnh quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài: Phương pháp điều chỉnh quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài là phương pháp xung đột và phương pháp thực chất:

- Phương pháp xung đột: Là phương pháp điều chỉnh dựa vào các quy tắc được ấn định để áp dụng pháp luật của một nước được chỉ định nhằm giải quyết quan hệ hôn nhân và gia đình yếu tố nước ngoài phát sinh thông qua các quy phạm xung đột.

Các quy phạm xung đột thực chất không trực tiếp điều chỉnh quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài sẽ được điều chỉnh như thế nào, mà chỉ quy định pháp luật nước sẽ được áp dụng để điều chỉnh quan hệ cụ thể đó. Vì thế, quy phạm xung đột là quy phạm pháp luật dẫn chiếu để cơ quan nhà nước có thẩm quyền lựa chọn được hệ thống pháp luật phù hợp trong việc áp dụng để điều chỉnh các quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài như Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định trong việc kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài, mỗi bên phải tuân theo pháp luật của nước mình về điều kiện kết hôn; nếu việc kết hôn được tiến hành tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam thì người nước ngoài còn phải tuân theo các quy định của Luật này về điều kiện kết hôn.

Từ những quy định trong điều luật này cho thấy, trong trường hợp này pháp luật không quy định quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia vào quan hệ hôn nhân mà chỉ quy định việc chọn luật áp dụng mà thôi, mỗi bên trong quan hệ hôn nhân phải chịu sự điều chỉnh của pháp luật nước mình mang quốc tịch về điều kiện kết hôn.

Tóm lại, phương pháp xung đột chỉ gián tiếp điều chỉnh quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài thông qua việc dẫn chiếu đến hệ thống pháp luật áp dụng, còn việc điều chỉnh quyền và nghĩa vụ của các bên chủ thể thì hoàn toàn phụ thuộc vào pháp luật của nước được dẫn chiếu đến.

Quy phạm xung đột khác với các quy phạm pháp luật thông thường, quy phạm pháp luật thông thường thường được cấu tạo từ ba bộ phận là giả định, quy định, chế tài. Còn quy phạm xung đột thường được cấu thành bởi hai bộ phận là phạm vi (tương tự phần giả định) và hệ thuộc (tương tự phần quy định) không có quy phạm xung đột nào có quy định chế tài cả.

Xét về mặt kỹ thuật xây dựng quy phạm, quy phạm xung đột được chia thành hai loại: quy phạm xung đột một bên và quy phạm xung đột hai bên. Ngoài cách phân loại trên, quy phạm xung đột còn được chia thành quy phạm xung đột trong nước và quy phạm xung đột trong điều ước quốc tế hoặc phân loại quy phạm xung đột theo các nhóm quan hệ xã hội mà nó điều chỉnh hoặc phân loại theo tính chất của quy phạm xung đột.

Ngày nay, các nước thường dùng một số hệ luật cơ bản sau để giải quyết xung đột pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài như: Luật Quốc tịch; Luật nơi có tài sản; Luật nơi thực hiện hành vi và Luật tòa án. Trong một quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài cụ thể việc chọn luật áp dụng, tạo điều kiện để cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra giải pháp tối ưu để điều chỉnh quan hệ này.

Quy phạm xung đột được ghi nhận trước hết đối với pháp luật trong nước. Hiện nay ở Việt Nam quy phạm xung đột được quy định trong Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và một số văn bản khác. Ngoài ra các quy phạm này còn được ghi nhận trong các hiệp định tương trợ tư pháp Việt Nam đã ký kết với các nước.

- Phương pháp thực chất: Là phương pháp điều chỉnh dựa vào việc nhất thể hóa các quy phạm luật thực chất, cách thức giải quyết quan hệ dân sự theo nghĩa rộng có yếu tố nước ngoài trong pháp luật của từng nước, định rõ quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong quan hệ dưới dạng định ra các quy phạm luật thực chất thống nhất. Quy phạm thực chất là quy phạm quy định quyền và nghĩa vụ của các chủ thể. Quy phạm thực chất được giải quyết quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài trong các trường hợp sau:

Thứ nhất, quy phạm thực chất được áp dụng để điều chỉnh quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài như trong quan hệ hôn nhân và gia đình với công dân Việt Nam,

Người nước ngoài tại Việt Nam được hưởng các quyền và có nghĩa vụ như công dân Việt Nam. Điều này cho thấy các quy định về quyền và nghĩa vụ của công dân Việt Nam trong quan hệ hôn nhân cũng được áp dụng cho Người nước ngoài tại Việt Nam. Trong thực tiễn, các quy định về quyền và nghĩa vụ của công dân Việt Nam trong quan hệ hôn nhân nói chung và quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài nói riêng là các quy phạm thực chất .

Thứ hai, trong trường hợp có quy phạm xung đột dẫn chiếu đến, khi phát sinh quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài thì sẽ dẫn đến vấn đề chọn luật áp dụng. Việc chọn luật áp dụng được tiến hành dựa vào nội dung của quy phạm xung đột quy phạm xung đột dẫn chiếu đến pháp luật nước nào thì pháp luật nước đó sẽ được áp dụng.

Quy phạm thực chất còn có thể được xây dựng trong các Điều ước quốc tế gọi là quy phạm thực chất thống nhất, việc xây dựng các quy phạm này trong Điều ước quốc tế để điều chỉnh quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài là rất cần thiết. Bởi đây là quy phạm quy định trực tiếp quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài, nó tạo những điều kiện thuận lợi cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền của các nước giải quyết một cách đơn giản và hiệu quả nhất đối với những tranh chấp phát sinh quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Việc áp dụng quy phạm này sẽ loại trừ vấn đề phải lựa chọn luật và cả vấn đề áp dụng pháp luật nước ngoài. Các quốc gia thường sử dụng hai phương pháp này để điều chỉnh quan hệ hôn nhân và có yếu tố nước ngoài.

Hai loại quy phạm này cũng cùng tồn tại song song và hỗ trợ cho nhau, với những chức năng khác nhau để điều chỉnh quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Sự thống nhất trong hệ thống các quy phạm xung đột và quy phạm thực chất là nền tảng cần thiết cho hai phương pháp điều chỉnh để giải quyết một loại quan hệ pháp luật.

1.1.2. Khái niệm và đặc điểm quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài

Chính sách đối ngoại mỗi nước phục vụ đường lối phát triển kinh tế của nước đó, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế, khai thác nguồn lực bên ngoài. Trong điều

kiện cách mạng khoa học - công nghệ phát triển, mỗi nước không thể sống biệt lập mà cần phải có chính sách hợp tác để phát triển. Cùng với việc mở rộng quan hệ chính trị, đối ngoại nhằm duy trì và củng cố hoà bình, ổn định, các nước còn thực hiện giao lưu văn hoá, giáo dục, y tế, thông tin... Trong mỗi quan hệ này, các nước tiến hành điều chỉnh chính sách đối ngoại theo hướng đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế. Khi nhu cầu hội nhập quốc tế ngày càng trở nên bức xúc đối với các quốc gia dân tộc, thì môi trường hoà bình ổn định và phát triển của mỗi nước là điều kiện để hội nhập tốt hơn, hiệu quả hơn. Việt Nam thực hiện phương châm “*Bên ngoài bình thường, bên trong chặt chẽ*” với các quan điểm chỉ đạo: Phát triển quan hệ hữu nghị, phát triển kinh tế; vừa hợp tác, vừa đấu tranh; chủ quyền lãnh thổ gắn liền với bảo vệ an ninh quốc gia. Chính vì lẽ đó, công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài là đặc biệt quan trọng ở mỗi quốc gia, mỗi dân tộc; nó phối hợp chặt chẽ với với hoạt động đối ngoại của Đảng và đối ngoại nhân dân; giữa chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại; giữa thông tin đối ngoại và thông tin trong nước; mà đặc biệt là giữa đối ngoại với quốc phòng - an ninh và bảo vệ Tổ quốc [25].

1.1.2.1. Khái niệm quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài

Quản lý: là hoạt động mang tính đặc thù của con người, là sự tác động có mục đích của các chủ thể quản lý đối với đối tượng quản lý. Quản lý xuất hiện ở bất kỳ nơi nào, lúc nào nếu ở nơi đó có hoạt động chung của con người. Mục đích và nhiệm vụ của quản lý là điều khiển, chỉ đạo hoạt động chung của con người, phối hợp hoạt động riêng lẻ của từng cá nhân thành một hoạt động chung nhất, nhằm đạt được mục tiêu đã định trước [23].

Tóm lại, quản lý là điều khiển, chỉ đạo một hệ thống hay một quá trình theo những quy luật, những định luật, những nguyên tắc tương ứng làm cho hệ thống hay quá trình ấy vận động theo ý muốn của người quản lý nhằm đạt được các mục đích định trước.

C.Mác coi “ Quản lý là một chức năng đặc biệt nảy sinh từ bản chất xã hội của quá trình lao động”. Nhắm mạnh nội dung trên, ông viết: “*Tất cả mọi lao động*

trong xã hội trực tiếp hay lao động chung nào tiến hành trên quy mô tương đối lớn, thì ít nhiều cũng đều cần đến một sự chỉ đạo để điều hòa những hoạt động cá nhân và thực hiện những chức năng chung... Một người độc tấu vĩ cầm tự mình điều khiển lấy mình, còn một dàn nhạc thì cần phải có nhạc trưởng”

Quản lý được thực hiện bằng tổ chức và quyền uy. Có tổ chức thì mới phân định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ của những người tham gia hoạt động chung. Có quyền uy là phương tiện quan trọng để chủ thể quản lý điều khiển, chỉ đạo cũng như bắt buộc các đối tượng quản lý thực hiện yêu cầu, mệnh lệnh của mình. Khẳng định vấn đề này. Lênin đã viết: *“Muốn quản lý tốt mà chỉ biết thuyết phục không thôi thì chưa đủ, mà cần phải biết tổ chức về mặt thực tiễn nữa”*.

Khi Nhà nước xuất hiện thì phần lớn (và phần quan trọng) các công việc do Nhà nước quản lý. Trong đó, hôn nhân là một phần quan trọng để xây dựng nên gia đình mà gia đình là tế bào của xã hội. Chính vì thế việc quản lý của nhà nước về hôn nhân đòi hỏi phải chặt chẽ. Đặc biệt, quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài là hoạt động của các cơ quan nhà nước trong lĩnh vực hành chính tư pháp nhằm thực hiện các chức năng đối nội và đối ngoại liên quan đến lĩnh vực hôn nhân.

Nhà nước quản lý các lĩnh vực trong đời sống xã hội bằng pháp luật coi pháp luật là công cụ, phương tiện quan trọng tạo ra cơ chế để Nhà nước quản lý các quá trình xã hội hướng tới mục đích xây dựng một xã hội phát triển, dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Chính vì lẽ đó, công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài là đặc biệt quan trọng ở mỗi quốc gia, mỗi dân tộc; nó phối hợp chặt chẽ với với hoạt động đối ngoại của Đảng và đối ngoại nhân dân; giữa chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại; giữa thông tin đối ngoại và thông tin trong nước; giữa đối ngoại quốc phòng - an ninh và Bảo vệ Tổ quốc Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Quản lý nhà nước xuất hiện cùng với sự xuất hiện của nhà nước, gắn với chức năng, vai trò của nhà nước trong xã hội có giai cấp. Quản lý nhà nước tiếp cận với nghĩa rộng nhất bao gồm toàn bộ các hoạt động: hoạt động lập pháp của cơ quan lập

pháp, hoạt động hành chính (chấp hành và điều hành) của hệ thống hành pháp và hoạt động tư pháp của hệ thống tư pháp.

Quản lý nhà nước: là dạng quản lý xã hội mang tính quyền lực nhà nước, được sử dụng quyền lực nhà nước để điều chỉnh các quan hệ xã hội và hành vi hoạt động của con người để duy trì, phát triển các mối quan hệ xã hội, trật tự pháp luật nhằm thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Nhà nước.

Cũng có thể hiểu ngắn gọn quản lý nhà nước là hoạt động quản lý xã hội do nhà nước thực hiện.

Cũng như pháp luật hành chính nói chung, pháp luật trong quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài là cơ sở pháp lý cho các hoạt động hành chính của các cơ quan nhà nước thực hiện các chức năng trong lĩnh vực Tư pháp. Để làm sáng tỏ vai trò quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài, cần phải xem xét nó dưới góc độ cụ thể của pháp luật, gắn với chức năng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài: là một nội dung trong quản lý hành chính nhà nước về hành chính tư pháp, quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài tập trung chủ yếu vào các hoạt động như: Ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về hôn nhân có yếu tố nước ngoài; xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, kế hoạch, định hướng về hoạt động hôn nhân có yếu tố nước ngoài; phổ biến, giáo dục pháp luật về hôn nhân có yếu tố nước ngoài; quản lý hệ thống tổ chức và hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong hoạt động hôn nhân có yếu tố nước ngoài; đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về đăng ký, kiểm tra, khen thưởng, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động đăng ký hôn nhân có yếu tố nước ngoài; tổng kết hoạt động, báo cáo cơ quan nhà nước cấp trên về hoạt động hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

Quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài có những đặc điểm sau:

Thứ nhất, quản lý hành chính nhà nước đối với hôn nhân có yếu tố nước ngoài là hoạt động mang tính quyền lực nhà nước. (i) Quyền lực nhà nước trong quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài trước hết thể hiện ở việc các chủ thể có

thẩm quyền quản lý thể hiện ý chí nhà nước thông qua phương tiện nhất định, trong đó phương tiện cơ bản và đặc biệt quan trọng được sử dụng là văn bản quy phạm quản lý hôn nhân có yếu tố nước ngoài. (ii) Bằng việc ban hành văn bản, chủ thể quản lý về hôn nhân có yếu tố nước ngoài thể hiện ý chí của mình dưới dạng các hoạt động áp dụng pháp luật; dưới dạng các mệnh lệnh cá biệt nhằm áp dụng pháp luật vào thực tiễn, trực tiếp thực hiện quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia quan hệ quản lý; dưới những dạng mệnh lệnh chỉ đạo trong hoạt động, nhằm tổ chức thực hiện pháp luật trong thực tiễn; dưới dạng những thông tin hướng dẫn để thực hiện đăng ký hôn nhân có yếu tố nước ngoài thông qua hệ thống của bộ máy quản lý hôn nhân có yếu tố nước ngoài của nhà nước. Bên cạnh đó, quyền lực nhà nước còn thể hiện trong việc các chủ thể có thẩm quyền tiến hành những hoạt động cần thiết để bảo đảm thực hiện ý chí nhà nước như các biện pháp về tổ chức, tuyên truyền giáo dục, thuyết phục, hòa giải,... Chính những biện pháp này là sự thể hiện tập trung và rõ nét của sức mạnh nhà nước, một bộ phận tạo nên quyền lực nhà nước, nhờ đó ý chí của chủ thể quản lý hôn nhân có yếu tố nước ngoài được bảo đảm thực hiện.

Thứ hai, quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài là hoạt động được tiến hành bởi những chủ thể có quyền năng hành pháp là các công chức trong bộ máy nhà nước. Chủ thể chủ yếu thực hiện quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài là các cơ quan quản lý hành chính nhà nước (Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Ủy ban nhân dân, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân và đặc biệt là tổ chức Hội Liên Hiệp phụ nữ).

Thứ ba, quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài là hoạt động có tính thống nhất được tổ chức chặt chẽ nhằm đảm bảo tính pháp chế trong hoạt động quản lý, bộ máy các cơ quan được tổ chức thành một khối thống nhất từ Trung ương đến địa phương, nhờ đó các hoạt động của bộ máy được chỉ đạo, điều hành thống nhất, bảo đảm lợi ích chung của cả nước, bảo đảm sự liên kết, phối hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan, tránh sự cục bộ trong công tác quản lý.

Thứ tư, hoạt động quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài là hoạt động mang tính chấp hành và điều hành.

Thứ năm, hoạt động quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài là hoạt động mang tính liên tục.

1.1.3. Mục tiêu của quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài

Mục tiêu của quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài bao gồm các mục tiêu sau:

Một là, đảm bảo cho hôn nhân giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, bình đẳng, hạnh phúc. Đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Hai là, ghi nhận và bảo vệ quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bên cạnh đó, có biện pháp xử lý nghiêm đối với các quan hệ hôn nhân không tuân theo đúng quy định của pháp luật mà vì mục đích kinh tế hay quốc tịch.

Ba là, đảm bảo công tác quản lý được thống nhất trong cả nước. Tạo cơ chế cho các quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài được thực hiện một cách thống nhất, theo đúng trình tự thủ tục theo luật định.

Bốn là, nhằm giữ gìn và phát huy giá trị của gia đình trong xã hội hiện đại ngày nay.

Có thể nói mục tiêu của quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài là: ghi nhận và bảo vệ các giá trị truyền thống vốn có của gia đình Việt Nam, sự giao lưu văn hóa giữa các nước trong quá trình hội nhập. Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay, thì việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài là việc làm cấp thiết nhằm bảo vệ cho các quan hệ hôn nhân (phần lớn các trường hợp kết hôn có yếu tố nước ngoài là các cô gái Việt Nam lấy chồng nước ngoài) của công dân Việt Nam được tôn trọng và có cơ chế quản lý phù hợp với loại quan hệ mang tính chất “tình cảm” như hôn nhân.

1.1.4. Vai trò của quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài

Theo một số nghiên cứu của các nhà khoa học thuộc Viện nghiên cứu Con người (Viện Khoa học Xã hội Việt Nam), trong 10 năm trở lại đây, tình trạng hôn nhân có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam gia tăng đột biến nhưng hầu hết qua môi giới. Xu hướng chủ yếu trong hôn nhân có yếu tố nước ngoài là các cô dâu Việt

Nam kết hôn với nam giới mang quốc tịch các quốc gia trong khu vực, đặc biệt là các nước Đông Á.

Do ảnh hưởng của kinh tế thị trường và toàn cầu hoá, việc hôn nhân nước ngoài đã trở nên phổ biến vì điều kiện kinh tế tốt hơn và tương quan giới có chiều hướng mất cân bằng. Các nhà khoa học khuyến cáo, đây có thể coi như là một nguy cơ, khi cuộc sống các cô dâu Việt Nam ở nước ngoài không được hứa hẹn một cuộc sống hạnh phúc, những thế hệ con lai không được đảm bảo những nhu cầu tối thiểu.

Đây cũng có thể được coi là một thách thức của kinh tế thị trường đến phát triển con người Việt Nam trong giai đoạn các năm tiếp theo. Vì vậy, vai trò quản lý của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc quản lý hôn nhân có yếu tố nước ngoài là việc đặc biệt quan trọng trong quá trình hội nhập và phát triển như hiện nay. Cần thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ chính trị của đơn vị trong công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài của tất cả các Bộ, ngành có liên quan.

Hôn nhân là vấn đề trọng đại đối với mỗi người, mỗi gia đình và toàn thể xã hội. Ngoài hôn nhân truyền thống ra còn có hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Từ khi Việt Nam thực hiện cải cách mở cửa, hội nhập quốc tế cho đến nay, số trường hợp kết hôn có yếu tố nước ngoài đã có sự gia tăng nhiều so với trước đây, kéo theo nhiều vấn đề phức tạp nảy sinh, đòi hỏi sự quản lý chặt chẽ của nhà nước thông qua pháp luật để điều chỉnh quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

Sau khi có Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài và Nghị định số 69/2006/NĐ-CP ngày 21/7/2006 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2002/NĐ-CP. Trải qua hơn 10 năm, quy định pháp luật về hôn nhân có yếu tố nước ngoài đã bộc lộ một số hạn chế nhất định về thủ tục, hồ sơ, thời gian giải quyết... Trong bối cảnh đó, ngày 28/3/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 24/2013/NĐ-CP thay thế hai Nghị định trên.

Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28/3/2013 của Chính phủ có nhiều nội dung chặt chẽ hơn, đặc biệt là việc cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân

(XNTTHN) dùng vào mục đích đăng ký kết hôn. Nếu như trước đây, việc cấp Giấy XNTTHN khá dễ dàng. Công dân dùng Giấy XNTTHN này để đăng ký kết hôn theo luật pháp nước ngoài tại cơ quan của nước ngoài, sau đó đề nghị Sở Tư pháp ghi chú vào sổ hộ tịch để công nhận việc kết hôn đó. Thì nay, trước khi được cấp Giấy XNTTHN, UBND cấp xã phải gửi hồ sơ đề Sở Tư pháp thẩm định, phỏng vấn người có yêu cầu, nếu xét thấy hai bên kết hôn có sự hiểu biết về hoàn cảnh cá nhân, hoàn cảnh gia đình, ngôn ngữ, phong tục, tập quán, pháp luật về hôn nhân và gia đình thì mới đồng ý để UBND cấp xã cấp Giấy XNTTHN cho công dân. Nhờ đó, đảm bảo việc kết hôn vì mục đích hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, hiểu biết về nhau.

Việc thắt chặt quy định cấp Giấy XNTTHN khiến số lượng các hồ sơ xin ghi chú việc kết hôn đã tiến hành tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài giảm mạnh. Ngoài việc thắt chặt quy định về cấp Giấy XNTTHN dùng vào mục đích kết hôn có yếu tố nước ngoài, quy định về đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài cũng đã chặt chẽ hơn trước. Số lượng thành phần hồ sơ tăng thêm 01 loại: Giấy xác nhận đủ điều kiện kết hôn của công dân nước ngoài theo luật pháp nước ngoài. Thực tế cho thấy, theo quy định trước đây, người nước ngoài khi làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp chỉ cần có hộ chiếu, giấy chứng nhận sức khỏe và giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân. Tuy nhiên sau khi đăng ký kết hôn xong, có trường hợp công dân Việt Nam không xin được Visa nhập cảnh theo chồng (hoặc vợ) là người nước ngoài. Ví dụ: một số trường hợp công dân Việt Nam sau khi đăng ký kết hôn với công dân Trung Quốc (Đài Loan) tại Sở Tư pháp theo đúng quy định pháp luật Việt Nam bị tạm dừng Visa nhập cảnh vào Đài Loan do chồng (hoặc vợ) đang nợ nhiều tiền ngân hàng hoặc chưa đi nghĩa vụ quân sự, phải chờ sau khi trả tiền xong hoặc thực hiện xong nghĩa vụ quân sự thì mới đồng ý cho nhập cảnh. Thực tế đó khiến một số trường hợp phải ly hôn do phải chờ đợi quá lâu mà chồng một nơi, vợ một nơi [24].

Ngoài quy định của pháp luật ra, trong công tác quản lý nhà nước không thể không kể đến yếu tố con người. Thực tế, nhiều năm qua, nhờ sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo cơ quan, vấn đề giải quyết hôn nhân có yếu tố nước ngoài được quán triệt thực hiện nghiêm túc, vừa đảm bảo sự chặt chẽ theo pháp luật, vừa đảm bảo cải

cách thủ tục hành chính, đặc biệt quan tâm đến quyền lợi phụ nữ và trẻ em trong quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài. Trong việc giải quyết hồ sơ, khi cần thiết Sở Tư pháp đều cử cán bộ về tận địa phương, nơi công dân Việt Nam cư trú để xác minh, làm rõ các nội dung liên quan, đảm bảo việc giải quyết hồ sơ đúng người, đúng việc và đúng pháp luật. Trường hợp vấn đề cần xác minh thuộc chức năng của cơ quan công an, Sở Tư pháp có công văn gửi Công an tỉnh đề nghị xác minh. Mỗi khi thụ lý giải quyết hồ sơ, cán bộ tại Sở Tư pháp đều hướng dẫn, giải thích đầy đủ quy định nhà nước về quyền, nghĩa vụ, đặc biệt là vấn đề quốc tịch của công dân Việt Nam sau khi kết hôn, tránh việc tùy tiện bỏ quốc tịch Việt Nam để nhập quốc tịch nước ngoài.

Có thể thấy rằng, quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài đóng vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống kinh tế xã hội, hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay. Công tác quản lý nhà nước phải dựa vào pháp luật, vì thế những quy định mới ra đời sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý. Thêm vào đó cần có sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo các cấp để đảm bảo quyền, lợi ích chính đáng của công dân Việt Nam, đặc biệt là phụ nữ trong quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài (đối tượng dễ bị tổn thương trong xã hội).

1.2. Cấu thành quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài

1.2.1. Chủ thể quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài

Chủ thể quản lý: là các cá nhân, tổ chức có một quyền lực nhất định buộc các đối tượng quản lý phải tuân thủ các quy định do mình đề ra để đạt được những mục tiêu đã định trước.

Chủ thể quản lý nhà nước: là các cơ quan Nhà nước, các cán bộ, công chức được trao quyền quản lý nhà nước đối với các hoạt động cụ thể do pháp luật quy định (Điều kiện chung của chủ thể quản lý nhà nước là được sử dụng quyền lực nhà nước).

Chủ thể quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài: là các cơ quan nhà nước, các cán bộ, công chức được trao quyền quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài, bao gồm:

- Cơ quan quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

- + Cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương
- + Cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương
- Cán bộ, công chức được trao quyền quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

1.2.2. Đối tượng quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài

Đối tượng quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài là các hoạt động quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực hôn nhân có yếu tố nước ngoài bao gồm: hoạt động chấp hành và điều hành của các cơ quan quản lý (Trung ương và địa phương).

Quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài là quản lý các quan hệ hôn nhân bằng chính sách và pháp luật. Để quản lý một cách có hiệu quả và thống nhất trong cả nước về quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài nhà nước xây dựng và ban hành các quy định để điều chỉnh hoạt động này. Tạo ra hành lang pháp lý nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên khi tham gia và quan hệ này.

Gắn chặt với công tác giáo dục tư tưởng và vận động, tuyên truyền về hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Trong quá trình thi hành pháp luật để nó đi vào cuộc sống thì công tác tuyên truyền là hết sức quan trọng. Giúp cho các quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài đi vào thực tế cuộc sống. Tạo cơ sở pháp lý vững chắc nhằm ổn định và thuyết lập một trật tự pháp luật để quản lý có hiệu quả các quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Một loại quan hệ tương đối phức tạp cần có những quy định cụ thể và chi tiết để áp dụng trong quá trình hội nhập sâu rộng như hiện nay ở nước ta.

1.2.3. Nội dung quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài

Thứ nhất, xây dựng và ban hành pháp luật về hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

Để điều chỉnh kịp thời các quan hệ hôn nhân và gia đình nói chung, quan hệ về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài nói riêng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được tôn trọng, bảo vệ phù hợp với pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, Nhà nước ta đã từng bước hoàn thiện hành lang pháp lý về lĩnh vực này [46].

- Văn bản pháp lý trong nước đầu tiên của Việt Nam ghi nhận các quy định điều chỉnh quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài là Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 (Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và năm 2014). Trên cơ sở của quy định này, nhiều văn bản pháp luật quan trọng về hôn nhân có yếu tố nước ngoài lần lượt ra đời như: Quyết định số 15/2003/QĐ-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ngày 12/2/2003 về việc ban hành biểu mẫu, Sổ hộ tịch có yếu tố nước ngoài; Nghị định số 69/2006/NĐ-CP ngày sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài; Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài; Thông tư số 22/2013/TT-BTP ngày 31/12/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.

Sau khi Nghị định 24/2013/NĐ-CP ngày 28/3/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được thay thế bằng Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình (Nghị định 126/2014/NĐ-CP) thì quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài được thực hiện theo Nghị định 126/2014/NĐ-CP từ ngày 15 tháng 02 năm 2015 đến nay.

- Trong quan hệ quốc tế, Việt Nam đã ký kết nhiều hiệp định tương trợ tư pháp với các nước mà mở đầu là Hiệp định tương trợ tư pháp với Cộng hòa dân chủ Đức (cũ) năm 1980. Trong các hiệp định này vấn đề liên quan tới việc giải quyết quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài được ghi nhận.

Có thể nói nội dung của các văn bản pháp luật trong nước và quốc tế đã góp phần quan trọng trong việc điều chỉnh quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam trong thời gian qua. Tuy nhiên, so với đòi hỏi thực tế của đời sống quốc tế, pháp luật của Việt Nam về vấn đề này vẫn cần được nghiên cứu để áp dụng có hiệu quả và bổ sung hoàn thiện.

Thứ hai, tổ chức thực hiện pháp luật về hôn nhân có yếu tố nước ngoài

Nhằm tăng cường vai trò của công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài thì khâu sau khi xây dựng và ban hành văn bản việc triển khai và tổ chức thực hiện pháp luật là một khâu quan trọng để các quy phạm này có thể đi vào thực tiễn của cuộc sống. Thông qua các hình thức sau:

- Tổ chức trợ giúp pháp lý: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh tổ chức trợ giúp kiến thức pháp luật, tư vấn cho thanh niên, phụ nữ về quy định pháp luật hôn nhân và gia đình, giúp họ nhận thức và thực hiện đúng. Phương pháp trợ giúp thực hiện lồng ghép trong các chương trình trợ giúp lưu động cho nhân dân ở các xã có nhiều phụ nữ lấy chồng Đài Loan, Hàn Quốc (huyện Vị Thủy, huyện Long Mỹ và huyện Châu Thành).

Tuyên truyền phổ biến pháp luật: Sở Văn hóa và Thông tin, Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em, Hội Liên hiệp phụ nữ thành phố, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố, Hội Nông dân, chỉ đạo các địa phương, ngành giới mình tổ chức tuyên truyền sâu rộng pháp luật về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài, nhằm giúp cho nhân dân hiểu biết, nhận thức đúng đắn nguyên tắc kết hôn, xây dựng hôn nhân lành mạnh, gia đình bền vững, góp phần giáo dục con em hiểu biết pháp luật và truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, phụ nữ có trình độ học vấn thấp, chưa có việc làm, điều kiện hoàn cảnh kinh tế khó khăn, v.v... ở các huyện nghèo của tỉnh. Sở Văn hóa và Thông tin có chỉ đạo định hướng thông tin báo chí về tình hình phụ nữ Việt Nam kết hôn với người nước ngoài; bảo đảm thông tin chính xác, khách quan, toàn diện, không nên đăng tải thông tin một chiều; tăng cường công tác giáo dục thanh niên nam nữ trong độ tuổi kết hôn chuẩn bị xây dựng gia đình. Đồng thời, phát huy vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng trong việc

đấu tranh chống tiêu cực, tham gia phát hiện kịp thời vi phạm trong quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

- Ủy ban nhân dân các huyện phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể ở địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến cán bộ, công chức và các tầng lớp nhân dân, góp phần chuyển biến cơ bản về nhận thức trong vấn đề này. Tổ chức nắm tình hình phụ nữ Việt Nam kết hôn với người nước ngoài hiện đang sinh sống ở nước ngoài; rà soát, khảo sát và phân loại những trường hợp trẻ em là con chung giữa phụ nữ Việt Nam với người nước ngoài khi theo mẹ về cư trú trong nước nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Đồng thời, qua công tác thống kê số liệu, phân tích tình hình phụ nữ Việt Nam kết hôn với người nước ngoài có tác động đến các mặt của đời sống xã hội như chính trị, kinh tế, văn hóa, an ninh, trật tự xã hội, đối ngoại để đánh giá đúng các mặt tích cực, tiêu cực, thuận lợi, khó khăn cũng như đối chiếu các quy định pháp luật hiện hành, đề nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp thực tiễn của cuộc sống.

Thứ ba, thanh tra, kiểm tra và xử lý hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

Thanh tra, kiểm tra là hoạt động không thể thiếu trong quản lý nhà nước, qua thanh tra, kiểm tra nhằm phát hiện sơ hở trong cơ chế quản lý, chính sách, pháp luật để kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền biện pháp khắc phục; phòng ngừa, phát hiện và xử lý hành vi vi phạm pháp luật; giúp cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện đúng quy định của pháp luật; phát huy nhân tố tích cực; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Do đó, để quản lý nhà nước trong lĩnh vực hôn nhân có yếu tố nước ngoài có hiệu quả, công tác thanh, kiểm tra cũng là một công tác không thể thiếu.

Trong những năm vừa qua, công tác thanh tra, kiểm tra đối với lĩnh vực quản lý hôn nhân có yếu tố nước ngoài luôn được Thanh tra ngành Tư pháp rất quan tâm. Hàng năm, Thanh tra Bộ Tư pháp và Thanh tra các Sở Tư pháp đều đưa vào kế hoạch và tiến hành thanh tra đối với công tác đăng ký hôn nhân có yếu tố nước

ngoài. Qua công tác thanh, kiểm tra phát hiện một số sai sót nhưng chưa đến mức xử lý vi phạm như sau:

- Việc giải quyết hồ sơ kết hôn có yếu tố nước ngoài thường chậm, quá thời hạn so với quy định tại Điều 22 Nghị định số 126/2014/NĐ-CP. Việc chậm thời hạn giải quyết đối với hồ sơ đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài cũng do một phần chậm giải quyết của cơ quan Công an. Vì theo quy định tại Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 126/2014/NĐ-CP quy định trong trường hợp xét thấy vấn đề cần xác minh thuộc chức năng của cơ quan Công an thì Sở Tư pháp có công văn nêu rõ vấn đề cần xác minh, kèm theo 01 bộ hồ sơ đăng ký kết hôn gửi cơ quan Công an cùng cấp đề nghị xác minh. Tuy nhiên, qua công tác thanh tra cho thấy một số địa phương Sở Tư pháp gửi hồ sơ sang cơ quan Công an yêu cầu xác minh, nhưng có hồ sơ chậm giải quyết so với thời hạn quy định ít nhất là 10 ngày, nhiều nhất là 30 ngày. Việc chậm giải quyết hồ sơ gây trở ngại, tốn kém cho người nước ngoài vì thời gian ở lại Việt Nam để chờ đợi làm thủ tục kết hôn [17].

- Hồ sơ có biên bản tiếp nhận nhưng không có chữ ký của người lập biên bản, người nhận hồ sơ; hồ sơ có biên bản trao Giấy chứng nhận giấy kết hôn nhưng không có chữ ký của đại diện Sở Tư pháp, của người trao Giấy chứng nhận kết hôn; Không ký vào tờ khai xin đăng ký kết hôn, không ghi ngày tháng năm; Không ký vào tờ cam kết độc thân.

- Hồ sơ còn thể hiện việc tổ chức lễ đăng ký kết hôn chậm thời hạn so với quy định và không có lý do chính đáng, vi phạm Điều 24 Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 [17].

- Sở Tư pháp thực hiện phỏng vấn trước khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ và lệ phí, đặc biệt có trường hợp phỏng vấn trước rất nhiều ngày trước khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, vi phạm quy định; phỏng vấn kết hôn vẫn còn có hiện tượng phỏng vấn lần 2 nhưng trong biên bản phỏng vấn lần 2 không nêu rõ lý do vì sao đương sự phải phỏng vấn lần 2 hoặc có nơi biên bản phỏng vấn nội dung ghi về thành phần tham gia phỏng vấn trong biên bản không có Trưởng phòng Hộ tịch - Quốc tịch, nhưng phần cuối biên bản đều thể hiện Trưởng phòng Hộ tịch - Quốc tịch nghe và đồng ý

ký tên trong biên bản hoặc trong biên bản phỏng vấn trong thành phần phỏng vấn không có phiên dịch nhưng phần cuối biên bản lại có chữ ký và lời cam đoan của người phiên dịch, các sai sót trên là chưa thực hiện đúng quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 24/2013/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 22/2014/TT-BTP.

- Việc thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Việt Nam để ghi chú vào Sổ cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân: Theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 5 Thông tư số 02a/2015/TT-BTP ngày 23/02/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của nghị định 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài: Sau khi trao Giấy chứng nhận kết hôn cho hai bên nam, nữ, Sở Tư pháp có văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi đã cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Việt Nam để ghi chú vào Sổ cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày trao Giấy chứng nhận kết hôn.

1.3. Các yếu tố ảnh hưởng và các điều kiện bảo đảm quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài

1.3.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài

- Về quốc tịch

Khó khăn lớn nhất của các cô dâu Việt Nam là vấn đề quốc tịch. Khi chưa được nhập quốc tịch, địa vị pháp lý và các bảo đảm xã hội đối với cô dâu Việt Nam rất bấp bênh.

Hiện nay có một số cô dâu Việt Nam rơi vào tình trạng không quốc tịch do họ đã được thôi quốc tịch Việt Nam nhưng chưa được nhập quốc tịch nước ngoài (vì ly hôn hoặc chồng chết...). Bên cạnh đó, trên thực tế cũng phát sinh khó khăn liên quan đến vấn đề quốc tịch của những đứa trẻ là con lai. Đây là số trẻ em đã có quốc tịch nước ngoài hoặc chưa xác định quốc tịch nước ngoài hay Việt Nam nhưng theo

mẹ (ly hôn) hoặc được người mẹ gửi cho ông bà ngoại nuôi tại Việt Nam. Do vấn đề quốc tịch nên việc giải quyết khai sinh, đăng ký hộ khẩu cũng như việc thực hiện các chính sách giáo dục, y tế... đối với các trẻ em này gặp khó khăn, vướng mắc hiện chưa có hướng giải quyết một cách thống nhất, đồng bộ.

- Về pháp lý

Xung đột pháp luật về giải quyết ly hôn giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài; vấn đề bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong quan hệ hôn nhân trong điều kiện Việt Nam và nước ngoài chưa có thỏa thuận tương trợ tư pháp; vấn đề quốc tịch của các cô dâu sau khi kết hôn, vấn đề khai sinh và quốc tịch của trẻ em được sinh ra bởi hai dòng máu. Đây là những nội dung pháp lý đang đặt ra từ thực tiễn các quan hệ hôn nhân với người nước ngoài.

Khi cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, mà cụ thể ở đây là Sở Tư pháp, công nhận việc kết hôn của công dân Việt Nam đã tiến hành ở nước ngoài, tức là họ được xem là vợ chồng tại Việt Nam, được hưởng các quyền theo Luật Hôn nhân và gia đình tại Việt Nam... Trường hợp, họ bị Sở Tư pháp từ chối ghi chú kết hôn khi không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật Việt Nam, có nghĩa ở nước ngoài họ là vợ chồng, còn ở Việt Nam thì họ không được xem là vợ chồng. Nếu phát sinh bất kỳ tranh chấp nào tại Việt Nam thì đó được xem là tranh chấp dân sự thông thường. Tòa án Việt Nam không được áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình để giải quyết. Thêm một điều đáng quan tâm nữa là, vì hôn nhân của họ chưa được công nhận tại Việt Nam, nên theo nguyên tắc họ vẫn là người độc thân theo pháp luật Việt Nam và do đó họ hoàn toàn có quyền kết hôn với một người khác. Do đó, có thể xảy ra tình trạng, người Việt Nam có hai chồng hoặc hai vợ. Có thể nhận ra mâu thuẫn ở đây là: việc không công nhận quan hệ hôn nhân tại Việt Nam là việc của phía Việt Nam, còn giá trị pháp lý trong quan hệ hôn nhân của họ ở nước ngoài không vì thế mà thay đổi.

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ khi bị xâm hại: Do không có sự chuẩn bị các điều kiện cơ bản cho cuộc sống sau hôn nhân ở nơi xa lạ nên đa số phụ nữ khó có khả năng hòa nhập với nhà chồng. Rào cản ngôn ngữ đã trở thành trở

ngại lớn cho cuộc sống vợ chồng, dẫn đến xung đột văn hóa giữa hai bên, khiến cho các mâu thuẫn giữa các thành viên trong gia đình trở nên trầm trọng vì cơ hội để giải tỏa mâu thuẫn, để thấu hiểu văn hóa lẫn nhau vô cùng hạn chế. Sự lệ thuộc kinh tế đem đến không ít bi kịch cho những cô dâu Việt lấy chồng nước ngoài, nhất là những người có ảo tưởng và động cơ lấy chồng vì lợi ích tiền bạc. Không hiếm các hiện tượng bạo hành người vợ cả về thể xác lẫn tinh thần đã xảy ra và cái giá phải trả là đổ vỡ hôn nhân, thậm chí bị giết hại của phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài.

- Về buôn bán phụ nữ

Hiện nay tình hình buôn bán phụ nữ trên địa bàn cả nước nói chung, đặc biệt là buôn bán phụ nữ ra nước ngoài diễn ra dưới nhiều hình thức như xuất cảnh trái phép, kết hôn giả, lừa đưa ra nước ngoài lao động, du lịch sau đó ép làm nghề mại dâm. Thực tế, có không ít trường hợp thương tâm là các cô gái sau khi kết hôn đã bị bán làm gái mại dâm trong các nhà chứa mà báo chí đã có nêu xảy ra tại Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc hay bị lừa gạt lấy phải người chồng tâm thần, tàn tật...

- Về xã hội

Nhiều năm nay, hàng trăm bài báo đã điều tra các đường dây tuyển các cô gái đem về Thành phố Hồ Chí Minh, để những người đàn ông lớn tuổi, tật nguyền từ Đài Loan, Hàn Quốc đến tuyển lựa. Nhiều bài báo cũng phản ánh, mô tả cảnh cô dâu Việt Nam ở Đài Loan, Hàn Quốc bị ngược đãi, làm vợ tập thể..., phải trốn về nước. Hay trong các trường hợp mặc dù đã đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định nhưng rất nhiều “cô dâu” Việt Nam không thể xuất cảnh theo chồng về nước (không xin cấp được visa) rất nhiều năm, cũng có trường hợp không xin được visa đồng thời nếu muốn kết hôn với công dân trong nước thì cũng không được cho phép (vì đang trong tình trạng có vợ, có chồng) chưa ly hôn thì không thể nào kết hôn được.

Tất cả những điều đó đã để lại hậu quả mà xã hội phải gánh chịu không chỉ là trước mắt mà về lâu dài, ảnh hưởng đến nhiều mặt về xã hội, pháp luật quốc gia và quốc tế. Đặc biệt những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, nét đẹp vốn có từ lâu đời của phụ nữ Việt Nam bị xâm phạm một cách nghiêm trọng.

Các tổ chức xã hội, các ngành chức năng còn thiếu quan tâm đến hiện tượng hôn nhân có yếu tố nước ngoài của phụ nữ Việt Nam, và chưa có đơn vị xã hội nào coi đó là nhiệm vụ và trách nhiệm của mình.

1.3.2. Các điều kiện bảo đảm quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài

Công cuộc đổi mới đất nước, sự phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và xu hướng mở cửa, hội nhập quốc tế tạo ra những tiền đề và đòi hỏi phải đổi mới, tăng cường quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài nhằm phát huy mạnh mẽ tính năng động, sáng tạo, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ quan trong quá trình thực thi nhiệm vụ. Để quản lý của nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài được kết quả cao thì cần có các điều kiện bảo đảm như sau:

- Pháp luật

Hành lang pháp lý vững chắc cho việc điều chỉnh các quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài nhằm tạo thuận lợi và sự nhất quán trong công tác quản lý. Đây là cơ sở quan trọng để điều chỉnh các quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Bảo vệ lợi ích chính đáng của công dân nước mình tránh những trường hợp đáng tiếc xảy ra như hiện nay khi mà phần lớn các quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài chưa có cơ chế bảo vệ chặt chẽ.

Kịp thời sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến hôn nhân - gia đình nói chung, trong đó có vấn đề hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Hình thành mạng lưới các cơ sở hỗ trợ hôn nhân ở các địa phương để đáp ứng nhu cầu về tư vấn, hỗ trợ hôn nhân - gia đình nói chung, thực hiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ gia đình, kể cả tư vấn hôn nhân trong nước và nước ngoài. Nhà nước đàm phán và ký kết với các nước các hiệp định song phương về tương trợ tư pháp. Đối với những nước có nhiều phụ nữ Việt Nam lấy chồng cần ký các hiệp định riêng biệt về hôn nhân có yếu tố nước ngoài để cùng hợp tác bảo vệ quyền và lợi ích của công dân Việt Nam.

- Kinh tế và văn hóa - xã hội

Tăng cường các chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở các địa phương, tạo ra nhiều cơ hội học nghề, làm việc cho phụ nữ nông thôn. Thực hiện đồng bộ các chính sách việc làm, giảm nghèo, hỗ trợ vay vốn tạo việc làm cho phụ nữ, nhất là phụ nữ nghèo ở những nơi có nhiều phụ nữ lấy chồng nước ngoài. Quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng và các dịch vụ văn hóa, giáo dục, y tế ở cơ sở, tạo điều kiện cho người dân, đặc biệt là nữ thanh niên, có điều kiện tiếp cận thông tin, nâng cao dân trí, có quan niệm và nhận thức đúng về hôn nhân - gia đình. Đẩy mạnh đấu tranh, ngăn chặn tệ môi giới, lừa đảo phụ nữ lấy chồng người nước ngoài, buôn bán phụ nữ, trẻ em qua biên giới.

- Công tác cán bộ

Tăng cường năng lực của đội ngũ cán bộ chuyên trách. Rà soát đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác giải quyết việc đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài, trên cơ sở đó tăng cường bố trí cán bộ có đủ năng lực, phẩm chất và trình độ chuyên môn làm công tác này; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm khắc những cán bộ có hành vi tiêu cực trong việc giải quyết việc đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài.

Thực hiện kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý triệt để, kịp thời và nghiêm minh mọi hành vi vi phạm về hôn nhân - gia đình, nhất là các hoạt động môi giới lấy chồng bất hợp pháp.

- Vận động và tuyên truyền

Đẩy mạnh công tác truyền thông - giáo dục. Chú trọng truyền thông - giáo dục về pháp luật và các kiến thức cần thiết. Cung cấp thông tin chính thức, trung thực về luật pháp, chính sách, phong tục, tập quán và văn hóa của các quốc gia và vùng lãnh thổ mà phụ nữ đang muốn lấy chồng để họ và gia đình biết, có cơ sở quyết định đúng đắn về hôn nhân. Phát huy vai trò của gia đình và cộng đồng. Chú trọng giáo dục từ gia đình, dòng họ về nếp sống, gia phong để hình thành nhân cách, nâng cao bản lĩnh sống, giúp phụ nữ tăng khả năng thích ứng trước những biến động, rủi ro khi ra đời. Tăng cường vai trò trách nhiệm của các tổ chức đoàn thể như: Hội Phụ

nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh... trong việc giúp đỡ, tương trợ những phụ nữ lấy chồng nước ngoài vì hoàn cảnh éo le phải trở về nước.

- *Sự vào cuộc của các cấp, ngành*

Bộ Tư pháp có trách nhiệm: (i) Tăng cường hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra các địa phương trong việc thụ lý, giải quyết các hồ sơ đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài; kịp thời chấn chỉnh những lệch lạc, tiêu cực trong công tác này. Chỉ đạo các Sở Tư pháp thực hiện nghiêm túc quy định không chấp nhận việc nộp hồ sơ đăng ký kết hôn qua người thứ ba; quy định xác minh, phỏng vấn các bên đương sự trong trường hợp nghi vấn hoặc có khiếu nại, tố cáo đương sự kết hôn giả tạo, lợi dụng việc kết hôn nhằm mục đích mua bán phụ nữ, kết hôn vì mục đích trục lợi khác hoặc xét thấy có vấn đề cần làm rõ về nhân thân của đương sự hoặc giấy tờ trong hồ sơ đăng ký kết hôn, góp phần loại trừ những trường hợp kết hôn không bảo đảm nguyên tắc hôn nhân tự nguyện, tiến bộ. (ii) Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao và các cơ quan có liên quan xác lập cơ chế thông tin về tình hình sinh sống của công dân Việt Nam kết hôn với người nước ngoài và đang sinh sống ở nước ngoài; khẩn trương nghiên cứu, đề xuất việc đàm phán, ký kết thỏa thuận với các nước hữu quan để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân Việt Nam kết hôn với người nước ngoài và đang sinh sống ở nước ngoài trên các phương diện quốc tịch, cư trú, hôn nhân và gia đình, tài sản... phù hợp với pháp luật của Việt Nam, pháp luật nước sở tại, pháp luật và tập quán quốc tế. (iii) Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hoá - Thông tin, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam chỉ đạo việc tuyên truyền, phổ biến sâu rộng pháp luật về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài, góp phần tạo chuyển biến cơ bản trong nhận thức của nhân dân về vấn đề này [2].

Bộ Công an có trách nhiệm: Chỉ đạo cơ quan công an các cấp tiến hành các biện pháp nghiệp vụ cần thiết và thông qua quan hệ hợp tác, phối hợp với cảnh sát quốc tế để phát hiện và xử lý nghiêm khắc các tổ chức, cá nhân có hoạt động môi

giới kết hôn bất hợp pháp. Đối với những trường hợp có dấu hiệu cấu thành tội phạm, kiên quyết khởi tố để xử lý về hình sự.

Bộ Ngoại giao có trách nhiệm: Chỉ đạo các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài nắm chắc tình hình về cuộc sống mọi mặt của cộng đồng phụ nữ Việt Nam kết hôn với người nước ngoài và đang sinh sống ở nước ngoài; phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan của nước sở tại hướng dẫn những phụ nữ này thành lập các tổ chức, hiệp hội thích hợp nhằm giúp đỡ họ trong việc hòa nhập với cộng đồng nơi họ đang sinh sống, đồng thời giúp họ giữ mối liên hệ thường xuyên với Tổ quốc, với gia đình ở Việt Nam. Tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài tăng cường thực hiện các biện pháp bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài trong quan hệ hôn nhân và gia đình phù hợp với pháp luật nước sở tại và điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập; kịp thời có biện pháp bảo vệ và hỗ trợ những phụ nữ này nếu bị rơi vào hoàn cảnh bất hạnh.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm: Chỉ đạo các địa phương tiến hành việc kiểm tra, phát hiện, xử lý những doanh nghiệp vi phạm quy định cấm kinh doanh dịch vụ môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài theo quy định.

Bộ Văn hoá - Thông tin có trách nhiệm: Chỉ đạo định hướng thông tin báo chí về tình hình phụ nữ Việt Nam kết hôn với Người nước ngoài, nhất là với người Đài Loan và người Hàn Quốc, nhằm bảo đảm thông tin chính xác, khách quan, toàn diện, không nên đăng tải thông tin một chiều; đồng thời, phát huy hơn nữa vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng trong việc đấu tranh chống tiêu cực, tham gia phát hiện kịp thời những vi phạm trong công tác giải quyết việc đăng ký kết hôn giữa phụ nữ Việt Nam với Người nước ngoài.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

- (i) Tăng cường quản lý nhà nước trong lĩnh vực hôn nhân có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh, thành phố; kiên quyết xóa bỏ các hoạt động môi giới kết hôn bất hợp pháp, chấm dứt tình trạng kết hôn vi phạm nguyên tắc hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, vi phạm truyền thống văn hoá và phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra hoạt động môi giới kết hôn bất hợp pháp tại địa phương. (ii) Ủy ban nhân dân các tỉnh khu vực biên giới có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan hữu quan tại địa phương tăng cường kiểm soát khu vực biên giới, đẩy mạnh công tác quản lý dân cư để ngăn ngừa, chấm dứt tình trạng công dân Việt Nam vượt biên trái phép qua biên giới để chung sống như vợ chồng với công dân nước láng giềng mà không đăng ký kết hôn; đẩy mạnh tuyên truyền và thực hiện việc đăng ký kết hôn ở các xã biên giới theo quy định. (iii) Xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc Việt Nam về hôn nhân và gia đình tới từng làng, xóm, thôn, bản, ấp, phum, sóc. (iiii) Hỗ trợ Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp tỉnh trong việc thành lập Trung tâm Hỗ trợ kết hôn theo quy định.

Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam: Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của các Trung tâm Hỗ trợ kết hôn, hỗ trợ các Trung tâm này hoạt động có hiệu quả, góp phần bảo đảm việc kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài đúng pháp luật và lành mạnh.

Hôn nhân có yếu tố nước ngoài là quan hệ đặc biệt không chỉ chịu sự điều chỉnh của pháp luật Việt Nam mà còn chịu sự điều chỉnh của pháp luật của công dân nước mang quốc tịch. Đây là, sự kiện quan trọng xác lập quan hệ vợ chồng giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài hoặc ngược lại.

Quản lý hôn nhân có yếu tố nước ngoài là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của các cơ quan chuyên môn (các cấp chính quyền) nhằm theo dõi thực trạng, sự biến động về hôn nhân, mặt tích cực cũng như những hệ lụy mà nó đem đến. Từ đó, có những đánh giá và biện pháp bảo vệ cho quan hệ này được thực hiện theo đúng định hướng mà Đảng và Nhà nước đã đề ra.

Để bảo đảm quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài, đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội của đất nước hiện nay, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp cần nhận thức sâu sắc rằng tình hình phụ nữ Việt Nam kết hôn với người nước ngoài là một vấn đề liên quan đến nhiều

mặt của đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, trật tự xã hội, đối ngoại. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, các cơ quan nói trên cần tăng cường thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài; phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với các cơ quan và địa phương có liên quan để có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời tổ chức, cá nhân sai phạm, chấm dứt ngay tình trạng môi giới kết hôn bất hợp pháp, làm lành mạnh hoá các quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài, bảo đảm thực hiện nguyên tắc hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, góp phần xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững; tôn trọng, giữ gìn những phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, góp phần bảo vệ uy tín của dân tộc Việt Nam và của Nhà nước Việt Nam trong quan hệ quốc tế.

Kết luận chương 1

Quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài là một vấn đề tất yếu trong quá trình hội nhập và phát triển. Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay thì công tác này cần phải được chú trọng hơn nữa. Xoay quanh các vấn đề lý luận như: Hiểu như thế nào về hôn nhân và quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài; Chỉ ra đối tượng, nội dung và chủ thể của nó; Nêu lên vai trò của công tác quản lý nhà nước; Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý nhà nước. Đồng thời, phải giải quyết được hay đưa ra các điều kiện đảm bảo tốt công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Tất cả các nội dung này được ghi nhận tại Chương 1 của Luận văn.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HÔN NHÂN CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI Ở TỈNH HẬU GIANG VÀ CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HÔN NHÂN CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI TỪ THỰC TIỄN TỈNH HẬU GIANG

2.1. Tình hình hôn nhân có yếu tố nước ngoài và thực trạng quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài ở tỉnh Hậu Giang

2.1.1. *Khái quát tình hình hôn nhân có yếu tố nước ngoài ở tỉnh Hậu Giang*

Hậu Giang là một tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long, được thành lập vào ngày 01/01/2004 trên cơ sở tách ra từ tỉnh Cần Thơ cũ theo Nghị quyết số 22/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội khóa XI. Bao gồm 08 đơn vị hành chính: 01 thành phố thuộc tỉnh (Thành phố Vị Thanh), 02 Thị xã (Thị xã Ngã Bảy và Thị xã Long Mỹ) và 05 huyện (huyện Long Mỹ, huyện Phụng Hiệp, huyện Vị Thủy, huyện Châu Thành và huyện Châu Thành A). Diện tích 1.602,4 km², dân số khoảng 773.800 người. Tỉnh lỵ hiện nay là thành phố Vị Thanh cách Thành phố Hồ Chí Minh 240 km về phía tây nam, cách thành phố Cần Thơ 60 km theo Quốc lộ 61 và chỉ cách 40 km theo đường nối Vị Thanh - thành phố Cần Thơ [47].

Với vị trí địa lý nằm tại trung tâm khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long, Hậu Giang đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội của vùng. Trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân khá cao (giai đoạn 2004 - 2015 đạt 13,39%/năm), đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được cải thiện. Tuy nhiên, so với các tỉnh khác trong khu vực, Hậu Giang có điểm xuất phát khá thấp, cơ cấu kinh tế thuần nông, thu nhập của đại đa số người dân trong tỉnh là từ nông nghiệp, đời sống kinh tế của các huyện, xã vùng sâu còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí thấp, ... Đây được xem là một trong rất nhiều nguyên nhân dẫn đến hiện trạng phụ nữ kết hôn với người nước ngoài. Ngoài ra, còn có các nguyên nhân như:

- Hoàn cảnh gia đình khó khăn, nghèo túng, trình độ học vấn thấp, xuất thân từ những khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội thấp, điều kiện địa lý không thuận lợi.

Khi họ thấy bạn bè, người thân kết hôn với người nước ngoài hoặc những người Việt Nam định cư ở nước ngoài về nước ăn mặc sang trọng, hào phóng..., đã tác động đến một bộ phận phụ nữ nông thôn bị ảnh hưởng chạy theo xu hướng lấy chồng ngoại, họ đã dễ dàng chấp nhận mai mối để lấy chồng ngoại quốc; hoặc là kết hôn để được bảo lãnh ra nước ngoài, kết hôn để được nhập quốc tịch nước ngoài.... Đây là một nhận thức kết hôn lệch lạc dễ dẫn đến hôn nhân đổ vỡ, không hạnh phúc.

- Nhiều trường hợp kết hôn có yếu tố nước ngoài vì mục đích kinh tế, thể hiện rõ nhất là các trường hợp kết hôn với người Đài Loan, Hàn Quốc. Đa số phụ nữ Việt Nam kết hôn với người Đài Loan, Hàn Quốc là những người không có việc làm hoặc có việc làm nhưng thu nhập thấp. Họ mong muốn kết hôn để có cuộc sống sung túc hơn, thoát khỏi cảnh nghèo khổ. Thực tế có một bộ phận sau khi kết hôn đã gửi tiền về giúp gia đình "đổi đời" có nhà cửa khang trang, có kinh tế khá khá hơn, thu nhập cao hơn; một số không ít phụ nữ có cơ hội về việc làm, thu nhập... Tuy nhiên, hình thái kết hôn này cũng để lại không ít hệ quả tiêu cực.

- Hoạt động môi giới hôn nhân ở nước ngoài phát triển mạnh. Trên thực tế, các công ty môi giới nước ngoài là công ty có giấy phép hoạt động môi giới hợp pháp hoặc ẩn nấp dưới dạng của những văn phòng tư vấn pháp luật cho người di trú kết hôn hay tư vấn du lịch. Ví dụ: ở Hàn Quốc cô dâu Việt Nam được quảng cáo một cách công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng. Những chú rể Hàn Quốc có thể đăng ký dưới hình thức đi du lịch để sang Việt Nam chọn vợ trong vòng 06 đến 08 ngày. Những cuộc hôn nhân du lịch được xếp đặt ngày càng ngắn để giảm giá. Bản thân các cá nhân môi giới tích cực, chủ động trong việc tiếp cận và thuyết phục đối tượng là những cô gái mới lớn sống ở nông thôn có hoàn cảnh kinh tế khó khăn hoặc chưa có công việc ổn định. Hoạt động môi giới đã khiến họ không từ thủ đoạn nào để làm cầu nối cho nhu cầu kết hôn của cô dâu Việt với chú rể nước ngoài bất chấp mọi hậu quả. Còn ở Việt Nam, hoạt động môi giới hôn nhân hiện đang ẩn dưới các hình thức giới thiệu từ người thân, người quen và vì thế việc kiểm soát hoạt động này không dễ dàng. Môi giới hôn nhân bất hợp pháp không chỉ hoạt động tại thành phố mà còn mở rộng về vùng sâu, vùng xa. Phần lớn các cô gái lấy

chồng Đài Loan, Hàn Quốc đều xuất thân từ những gia đình nghèo ở vùng sâu, vùng xa, có trình độ học vấn thấp, không có điều kiện tiếp cận thông tin, càng không am hiểu pháp luật. Lợi dụng tình hình đó, các đối tượng môi giới bất hợp pháp đã khai thác phụ nữ nghèo ở vùng sâu để môi giới kết hôn.

- Pháp luật về hôn nhân và gia đình một số nước quy định việc kết hôn đơn giản. Ví dụ: ở Hàn Quốc, khi hai công dân Hàn Quốc đăng ký kết hôn, chỉ cần làm Giấy đăng ký sau đó đến đăng ký tại cơ quan hộ tịch là được công nhận mà không cần phải nộp thêm bất cứ một loại giấy tờ nào khác. Cơ quan hộ tịch có trách nhiệm tìm kiếm thông tin trên mạng để xác định về tình trạng hôn nhân của mỗi bên kết hôn. Trường hợp kết hôn có yếu tố nước ngoài thì người nước ngoài có trách nhiệm phải tự chứng minh về tình trạng hôn nhân của mình. Quy định về công nhận và ghi chú việc kết hôn đã tiến hành ở nước ngoài khá đơn giản, đương sự chỉ cần xuất trình giấy tờ hộ tịch đã đăng ký hợp lệ tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thì được công nhận và ghi chú vào sổ hộ tịch.

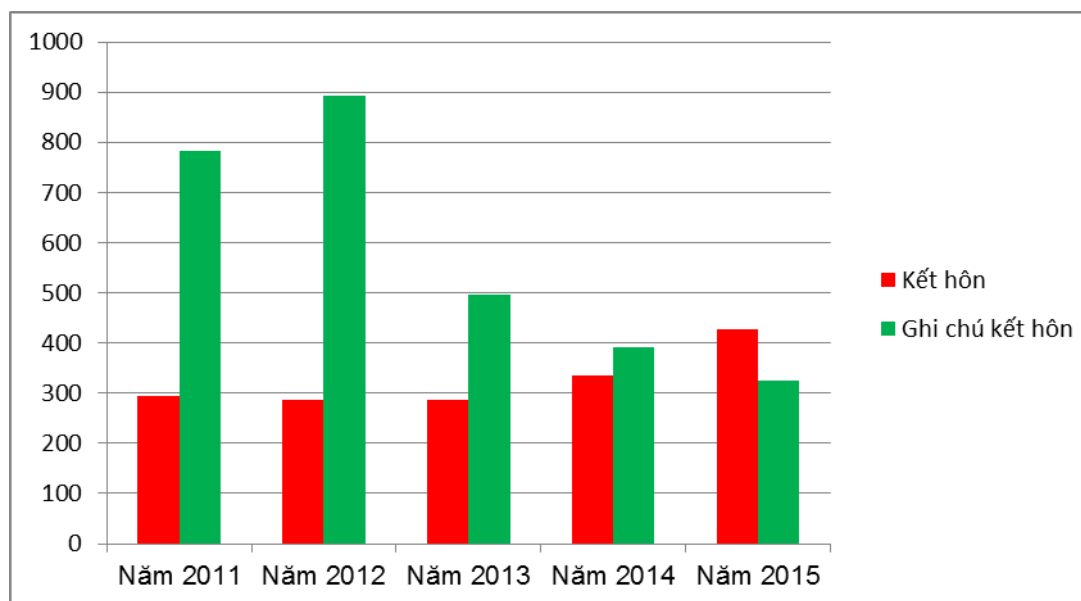
Trong 05 năm (từ năm 2011 đến năm 2015) Hậu Giang có **1.628** trường hợp kết hôn có yếu tố nước ngoài và có **2.891** trường hợp ghi chú kết hôn [36]. Đặc biệt, việc ghi chú kết hôn phần lớn là giữa công dân Việt Nam và Hàn Quốc.

Bảng 2.1: Bảng thống kê số lượng kết hôn có yếu tố nước ngoài (từ năm 2011 - 2015)

Thứ tự	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Kết hôn	293	287	287	335	426
Ghi chú KH	784	893	496	392	326

(Nguồn: Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang)

Bảng 2.2: Biểu đồ kết hôn và ghi chú kết hôn qua các năm (2011 - 2015)



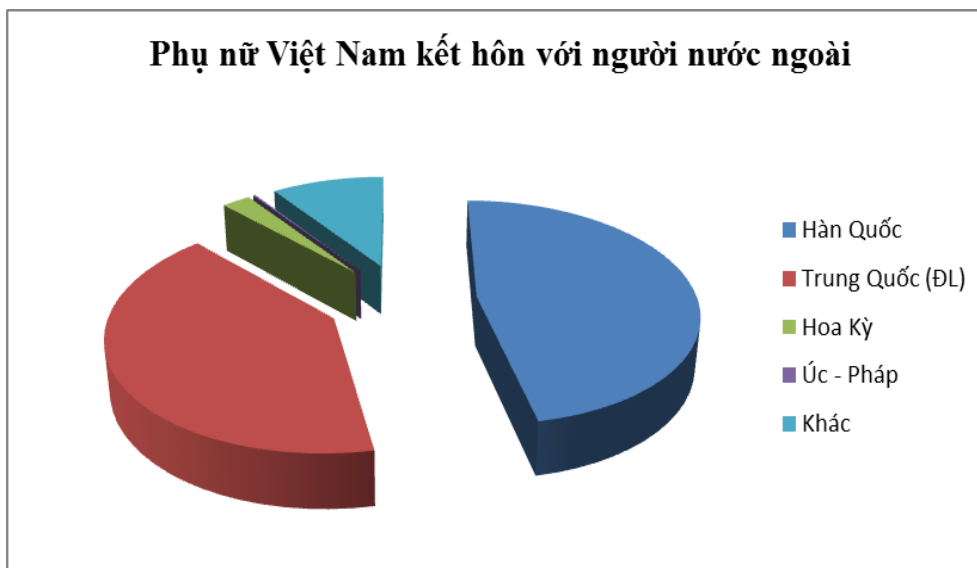
(Nguồn: Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang)

Qua bảng thống kê 2.1 và bảng 2.2 các trường hợp kết hôn và ghi chú kết hôn trong 05 năm (từ năm 2011 đến năm 2015) cho thấy hôn nhân có yếu tố nước ngoài có chiều hướng giảm so với các năm trước. Tuy nhiên, công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực này vẫn còn nhiều hạn chế, kéo theo nhiều hệ lụy cho xã hội do ảnh hưởng của những cuộc hôn nhân có yếu tố nước ngoài, mà biểu hiện cụ thể ở các nội dung sau đây:

Thứ nhất, làm mất cân bằng giới tính giữa nam và nữ trong những năm tiếp theo. Vì đa phần các trường hợp kết hôn có yếu tố nước ngoài là đều là phụ nữ Việt Nam (chiếm 90%) kết hôn với người nước ngoài từ năm 2004 đến 2013 có **16.211** trường hợp [21].

Qua công tác xác minh đã xác định được là **14.566** trường hợp. Trong đó, từ nguồn của Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang là 11.548 trường hợp nhưng đã xác định được là 9.903 trường hợp và qua rà soát, xác minh Công an địa phương phát hiện thêm: 4.663 trường hợp, do các trường hợp này kết hôn trước năm 2004, kết hôn với Trung Quốc, các nước khác).

Bảng 2.3: Biểu đồ thống kê số lượng (phụ nữ) Việt Nam kết hôn với người nước ngoài.



(Nguồn: Công an tỉnh Hậu Giang)

Qua bảng 2.3 cho thấy, tình hình phụ nữ Việt Nam kết hôn với người nước ngoài phần lớn là Hàn Quốc và Trung Quốc (Đài Loan). Trong đó: Hàn Quốc: 6.826; Trung Quốc (Đài Loan): 5.948; Hoa Kỳ: 356, Úc: 24, Pháp: 07; khác: 1.405; (Dân tộc: Kinh: 14.363; Khmer: 134; Hoa: 69); Tôn giáo: Thiên chúa giáo: 216; Đạo phật: 56; Cao đài: 05; Hòa hảo: 05; Tin lành: 05; không: 14.234.

- Thông tin xuất cảnh: Hiện đã xuất cảnh: 14.051 trường hợp; Chưa xuất cảnh: 515 trường hợp (lý do: bất đồng ngôn ngữ, phỏng vấn hồ sơ chưa đạt, một số không còn nguyện vọng xuất cảnh...)

- Tình trạng hôn nhân: Có quyết định ly hôn 213 trường hợp (quyết định ly hôn tại tòa án tỉnh: 130 trường hợp, Ghi chú ly hôn: 83 trường hợp). Còn 14.353 trường hợp tình trạng hôn nhân bình thường. Đặc biệt, hiện còn lại chưa xác định là 1.645 trường hợp.

Công an tỉnh Hậu Giang tiếp tục thực hiện việc xác minh 1.645 trường hợp chưa xác định ở giai đoạn 1, kết quả cụ thể như sau:

Qua đối chiếu: xác định trùng 128 (1645-128=1517) và tiếp tục xác minh xác định trùng: 111 (1517-111=1406). Vậy, tổng số trùng: 239 trường hợp. Đưa vào tiếp tục xác minh là 1.406 trường hợp với kết quả như sau:

- Xác định: 1.250 trường hợp Trung Quốc (ĐL): 309; Hàn Quốc: 861, Mỹ: 40; Úc: 09; Pháp: 5; khác: 26). Trong đó, Thành phố Vị Thanh: 175, Phụng Hiệp: 291, Long Mỹ: 63 (Long Mỹ: 45, TX.Long Mỹ: 18), Ngã Bảy: 107, Châu Thành: 89, Châu thành A: 208, Vị Thủy: 317 (Dân tộc kinh: 1226, khmer: 07, Hoa: 16, Tày: 01; Tôn giáo: Thiên chúa giáo: 41; Đạo phật: 10; Cao đài: 03; Tin lành: 01; không: 1195). Hiện đã xuất cảnh: 1.196 trường hợp; Chưa xuất cảnh: 54 trường hợp (lý do: bất đồng ngôn ngữ, phỏng vấn hồ sơ chưa đạt, một số không còn nguyện vọng xuất cảnh...) khoảng 70% số phụ nữ kết hôn nước ngoài có điều kiện kinh tế khá hơn trước, số hộ có 02 con gái trở lên kết hôn với người nước ngoài là 19 hộ. Các trường hợp nhập khẩu sai quy định: 21 trường hợp ở xã Thuận Hòa từ các tỉnh ngoài nhập hộ khẩu vào các hộ khẩu cũ (các hộ khẩu này đúng ra nộp lưu tại huyện nhưng đồng chí Trưởng Công an xã không nộp lưu mà cho nhập khẩu các trường hợp này vào để đăng ký kết hôn), 08 trường hợp xã Vị Thắng và 01 trường hợp ở xã Hiệp Hưng nhập hộ khẩu khống (thực tế không có nhà, đất và con người ở địa phương).

- Chưa xác định: 156 trường hợp. Trong đó, 64 trường hợp kết hôn năm 2006 và hồ sơ lưu ở Bộ Tư pháp nên không tra cứu được ở Sở Tư pháp; còn 92 trường hợp chưa chi xuất thông tin từ Sở Tư pháp (có trao đổi nhưng Sở Tư pháp chưa cung cấp).

Vậy, tính đến tháng 10/2015 tổng số xác định là 15.816 trường hợp. Còn 156 trường hợp đưa vào công tác thường xuyên và tiếp tục xác minh.

Ngoài ra, qua cung cấp từ Sở Tư pháp (từ năm 2014 đến tháng 7/2015) số phụ nữ kết hôn trên địa bàn tỉnh là: 1.108 trường hợp. Trong đó: Ghi chú kết hôn: 556 trường hợp và kết hôn tại Sở Tư pháp: 542 trường hợp.

Thứ hai, nhiều trẻ em là người nước ngoài đang cư trú trên 06 tháng hiện địa bàn tỉnh Hậu Giang (tính đến hết tháng 7 năm 2015) chưa có giấy tờ để có thể tham gia học tập và hưởng các chế độ như các trẻ em là công dân Việt Nam. Trong đó:

Tổng số trẻ em là người nước ngoài cư trú trên 06 tháng trên địa bàn tỉnh là: 411 trẻ em (Trung Quốc - Đài Loan): 236, Hàn Quốc: 142; có yếu tố nước ngoài: 15; Khác: 18), cụ thể:

- Hiện đã xuất cảnh về nước là 138 trẻ, vắng địa phương: 02 trẻ, trùng: 05 trẻ. Hiện có mặt là 266 trẻ. Trong đó: Đang đi học là 198 trẻ em.: Cụ thể: mẫu giáo: 27, tiểu học: 130, trung học cơ sở và trung học phổ thông: 41. (Trung Quốc (Đài Loan): 133, Hàn Quốc: 53; Khác: 12). Có 04 trường hợp trẻ em có yếu tố nước ngoài đang học tiểu học và chưa đi học là 68 trẻ em. Quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan): 29; Hàn Quốc: 24; có yếu tố nước ngoài: 07 và khác: 08. Lý do: chưa đi học là do chưa biết tiếng Việt, còn nhỏ chưa đủ tuổi,...

- Phân tích các loại giấy tờ hiện có của các trẻ em: có 117 trường hợp trẻ em có giấy khai sinh Việt Nam: Sở tư pháp tỉnh cấp: 59 trường hợp. UBND xã cấp: 58 trường hợp. Còn lại, có 255 trường hợp trẻ em còn lại sử dụng giấy tờ nước ngoài cấp như: sử dụng hộ chiếu hoặc có giấy khai sinh nước ngoài đã được dịch thuật sang tiếng Việt.

Xuất phát từ các điều kiện tự nhiên và xu hướng chung nên Hậu Giang cũng được xem là một trong các tỉnh thuộc khu vực Nam bộ có tỷ lệ phụ nữ kết hôn với người nước ngoài cao nhất trong khu vực.

2.1.2. Thực trạng quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài của tỉnh Hậu Giang

Hôn nhân là vấn đề trọng đại đối với mỗi người, mỗi gia đình và toàn thể xã hội. Ngoài hôn nhân truyền thống ra còn có hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Từ khi Việt Nam thực hiện cải cách mở cửa, hội nhập quốc tế cho đến nay, số trường hợp kết hôn có yếu tố nước ngoài đã có sự gia tăng nhiều so với trước đây, kéo theo nhiều vấn đề phức tạp nảy sinh, đòi hỏi sự quản lý chặt chẽ của nhà nước trên tất cả các lĩnh vực liên quan đến kết hôn có yếu tố nước ngoài sao cho phù hợp với sự phát triển chung của xã hội.

Những năm gần đây, số lượng công dân Việt Nam kết hôn với người nước ngoài có số lượng ổn định. Theo số liệu thống kê tại Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang từ

năm 2011 đến 2015, hàng năm khoảng 300 trường hợp đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp và bình quân 400 trường hợp ghi chú kết hôn/năm. Tuy số lượng kết hôn năm sau luôn cao hơn năm trước nhưng không có sự gia tăng đột biến. Trong đó, chủ yếu là nữ công dân Việt Nam tham gia trong quan hệ kết hôn với người nước ngoài (chiếm trên 90%) chủ yếu tập trung ở các huyện Vị Thủy, huyện Châu Thành, huyện Long Mỹ [36].

Sở dĩ, việc kết hôn có yếu tố nước ngoài trong những năm gần đây không có sự gia tăng đột biến là do công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực này có chuyển biến tích cực do các nguyên nhân sau:

2.1.2.1. Ưu điểm

Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý Nhà nước trong lĩnh vực công tác tư pháp theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tư pháp [43]. Theo đó, Sở Tư pháp có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý Nhà nước trong lĩnh vực hôn nhân có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh; tiến hành trình tự, thủ tục đăng ký kết hôn, ghi chú kết hôn có yếu tố nước ngoài, thẩm tra, xác minh hồ sơ cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của công dân Việt Nam cư trú trong nước để đăng ký kết hôn với người nước ngoài tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ở nước ngoài trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình và Thông tư số 02a/2015/TT-BTP ngày 23/02/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2014/NĐ-CP.

Theo đánh giá của một số Bộ ngành có liên quan trong công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài, trong những năm gần đây, làn sóng lấy chồng nước ngoài của phụ nữ Việt Nam tăng lên nhanh chóng do tác động của quá trình hội nhập và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Hôn nhân quốc tế hình thành nên các gia đình văn hóa đã góp phần cải thiện đời sống kinh tế của các gia đình Việt Nam có con kết hôn với người nước ngoài. Phần lớn các cuộc hôn nhân

của phụ nữ Việt Nam với người nước ngoài là thành công, đã đạt được mục đích của hôn nhân, các cô dâu Việt Nam chấp nhận và hài lòng với cuộc hôn nhân, sớm hòa nhập được với gia đình, quê hương nhà chồng, hòa nhập được với cộng đồng xã hội của nước sở tại, nhiều người tìm được công việc phù hợp, con cái sinh ra được đối xử bình đẳng và hưởng đầy đủ các quyền trẻ em; thường xuyên liên hệ và giữ mối liên lạc với quê hương Việt Nam [28].

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều cuộc hôn nhân không đảm bảo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, đặc biệt đối với các trường hợp phụ nữ Việt Nam lấy chồng Trung Quốc, Đài Loan và Hàn Quốc, nhiều cô gái sinh ra và lớn lên từ vùng nông thôn nghèo khó với quan niệm lấy chồng ngoại sẽ thực hiện được ước mơ đổi đời nên đã biến cuộc hôn nhân của mình với người đàn ông nước ngoài không quen biết thành phương tiện để giúp bản thân mình và gia đình thoát nghèo. Và thực tế, đa số các trường hợp kết hôn này thường thông qua hoạt động môi giới bất hợp pháp, khi đó họ không có nhiều cơ hội để tìm hiểu kỹ về người chồng tương lai cũng như trang bị đầy đủ kiến thức về đất nước mà mình sẽ đến để sinh sống và gắn bó như sự hiểu biết về pháp luật, ngôn ngữ, phong tục, tập quán... nên khó có cuộc sống hòa đồng, ổn định khi xuất cảnh ra nước ngoài với chồng, thậm chí nhiều cô dâu Việt bị ngược đãi, bạo hành (có nhiều trường hợp bị chết). Vấn đề này đã làm phát sinh nhiều hệ lụy ảnh hưởng đến nhân phẩm, hình ảnh của người phụ nữ Việt Nam, đồng thời cũng ảnh hưởng sâu sắc đến tình hình an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội, thuần phong mỹ tục của dân tộc và mối quan hệ đối ngoại giữa Việt Nam với quốc gia, vùng lãnh thổ mà phụ nữ Việt Nam đã kết hôn.

Trong những năm trước đây, tại tỉnh Hậu Giang trung bình mỗi năm có khoảng 500 trường hợp đăng ký kết hôn với người nước ngoài, từ năm 2005 trở đi chỉ còn khoảng hơn 300 trường hợp mỗi năm do số lượng kết hôn với người Đài Loan giảm rõ rệt so với các năm trước. Đồng thời từ khi Chỉ thị 03/2005/CT-TTg ngày 25/02/2005 của Chính phủ về tăng cường quản lý nhà nước đối với quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài, Nghị định số 69/2006/NĐ-CP, Nghị

định số 24/2013/NĐ-CP được ban hành, tình hình đăng ký kết hôn với người nước ngoài trên địa bàn tỉnh đã từng bước được lành mạnh hóa và đi vào nề nếp [37].

Thực hiện theo các quy định của pháp luật, Sở Tư pháp đã tiến hành phỏng vấn đối với hai bên nam nữ khi họ đến Sở Tư pháp đăng ký kết hôn để làm rõ sự tự nguyện, khả năng giao tiếp, hiểu biết nhau thông qua ngôn ngữ chung, mức độ hiểu biết về hoàn cảnh của nhau, phong tục tập quán, văn hóa, pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình. Kết quả cho thấy những phụ nữ Việt Nam đến Sở Tư pháp làm thủ tục đăng ký kết hôn ngày càng có ý thức chuẩn bị cho mình vốn kiến thức về ngoại ngữ để có thể giao tiếp được với người chồng của mình, đồng thời cũng đã tìm hiểu kỹ hơn về hoàn cảnh gia đình, hoàn cảnh sống của chồng, phong tục tập quán, văn hóa và pháp luật của đất nước mà họ sẽ đến sinh sống....

Bên cạnh đó, Sở Tư pháp đã thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục đăng ký kết hôn, chủ động phối hợp với cơ quan Công an xác minh các trường hợp đăng ký kết hôn có nghi vấn góp phần loại trừ những trường hợp kết hôn giả tạo, không vì mục đích hôn nhân tự nguyện, tiến bộ.

Đối với những trường hợp kết hôn với người đã kết hôn nhiều lần, hai người không giao tiếp được bằng ngôn ngữ chung, độ tuổi giữa vợ và chồng chênh lệch từ 20 tuổi trở lên hoặc hai bên chưa có sự hiểu biết về phong tục tập quán, văn hóa, pháp luật của nước mà người kia là công dân, Sở Tư pháp giới thiệu đương sự đến Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài để được tư vấn, cung cấp thêm thông tin về pháp luật, văn hóa, phong tục, tập quán và lối sống của đất nước nơi người nước ngoài là công dân, giúp cho họ có thể hòa nhập dễ dàng, nhanh chóng với cuộc sống ở nước ngoài sau khi đăng ký kết hôn và xuất cảnh....

Qua công tác rà soát, đối chiếu số liệu, Sở Tư pháp nhận thấy tình hình công dân Việt Nam kết hôn, ghi chú kết hôn với công dân Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc so với các năm trước đây không tăng. Tuy nhiên, từ sau khi Nghị định số 126/2014NĐ-CP, Thông tư 02a/2015/TT-BTP được ban hành, Sở Tư pháp bắt đầu thực hiện việc thẩm định hồ sơ, tiến hành phỏng vấn những trường hợp yêu cầu cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Việt Nam cư trú trong nước để

đăng ký kết hôn với người nước ngoài tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ở nước ngoài, Sở Tư pháp mới thấy rằng số lượng hồ sơ kết hôn ở nước ngoài tương đối nhiều, gần tương đương với hồ sơ đăng ký kết hôn tại Sở, đặc biệt số trường hợp kết hôn tại Trung Quốc với người Trung Quốc chiếm tỷ lệ khá cao. Mặc dù từ sau khi áp dụng việc phỏng vấn đối với các trường hợp cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, hầu hết Sở Tư pháp từ chối giải quyết các trường hợp yêu cầu cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để đăng ký kết hôn với người Trung Quốc do không đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định, nhưng số lượng hồ sơ vẫn chưa có chiều hướng giảm.

Thời gian qua, Sở Tư pháp đã có nhiều văn bản hướng dẫn, đồng thời trực tiếp thẩm tra, xác minh và có ý kiến cụ thể đối với các trường hợp yêu cầu cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Việt Nam cư trú trong nước để đăng ký kết hôn với người nước ngoài tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ở nước ngoài, nhưng Ủy ban nhân dân cấp xã vẫn chưa nhận thức và hiểu rõ quy định của pháp luật về vấn đề này nên đã để xảy ra tình trạng sử dụng Tờ khai không đúng mẫu, không hướng dẫn người dân khai đầy đủ về mục đích sử dụng giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, không gửi hồ sơ cho Sở Tư pháp thẩm tra, xác minh..... Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh vẫn còn trường hợp đương sự sử dụng giấy xác nhận tình trạng hôn nhân với mục đích khác để đăng ký kết hôn, gây khó khăn cho công tác đăng ký và quản lý hộ tịch tại địa phương, đặc biệt là các trường hợp đăng ký kết hôn ở nước ngoài sau đó về là thủ tục ghi chú kết hôn tại Sở Tư pháp.

Nhìn chung, tình hình đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài, ghi chú kết hôn, thẩm định hồ sơ cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Việt Nam cư trú trong nước để đăng ký kết hôn với người nước ngoài tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ở nước ngoài tại Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang đã được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật. Qua đó, Sở Tư pháp đã hạn chế được tình trạng môi giới, dịch vụ kết hôn bất hợp pháp, góp phần từng bước làm lành mạnh hóa các quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

2.1.2.2. Những hạn chế và nguyên nhân

- Hạn chế

Có thể nói rằng pháp luật Việt Nam đã quy định khá đầy đủ những vấn đề cơ bản về quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài, thể hiện chính sách của Nhà nước Việt Nam trong việc tôn trọng quan hệ hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, chấp hành quy định của pháp luật Việt Nam. Cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế sâu rộng, pháp luật về quan hệ hôn nhân và gia đình đã tạo khung pháp lý quan trọng để ghi nhận, bảo hộ các quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Qua quá trình rà soát khung pháp luật của quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài cho thấy bên cạnh những kết quả đạt được trong công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài thì cũng không thể tránh khỏi những hạn chế, bất cập sau [22]:

Thứ nhất, pháp luật về quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài chưa đầy đủ.

Pháp luật của một số nước còn khá đơn giản và lỏng lẻo, chẳng hạn như: Hàn Quốc cho phép kết hôn có thể vắng mặt một bên, Trung Quốc trước khi cấp visa cho công dân Việt Nam xuất cảnh sang Trung Quốc định cư theo diện kết hôn không yêu cầu đương sự tiến hành ghi chú kết hôn tại Việt Nam sau khi đã đăng ký kết hôn tại Trung Quốc nên Sở Tư pháp không xác định việc sử dụng giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của công dân Việt Nam để đăng ký kết hôn với người Trung Quốc tại Trung Quốc có đúng mục đích hay không.... Lợi dụng kẽ hở này, một số trường hợp sau khi Sở Tư pháp từ chối cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để đăng ký kết hôn tại Trung Quốc đã yêu cầu UBND cấp xã cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân với mục đích xuất cảnh và sử dụng giấy tờ này để làm thủ tục đăng ký kết hôn.

Các quy định về điều kiện kết hôn trong Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam được áp dụng chung cho cả các quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài mà chưa có những quy định riêng biệt về các điều kiện kết hôn.

Hệ thống pháp luật Việt Nam chưa có những quy định về xác lập thông tin về tình hình sinh sống của công dân Việt Nam kết hôn với người nước ngoài và đang

sinh sống ở nước ngoài (chẳng hạn pháp luật chưa có quy định việc bảo hộ công dân Việt Nam sau khi kết hôn sang định cư ở nước ngoài như: Đài Loan - Trung Quốc, Hàn Quốc nên việc giúp đỡ các cô dâu Việt Nam khi gặp khó khăn còn nhiều hạn chế).

Quy định giấy xác nhận về tình trạng hôn nhân của mỗi bên do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia (người xin kết hôn) cấp không quá 06 tháng. Trong trường hợp pháp luật của nước nào đó không quy định cấp giấy xác nhận về tình trạng hôn nhân thì có thể thay thế bằng giấy tuyên thệ của đương sự về tình trạng độc thân của mình. Tuy nhiên, trên thực tế, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do nước ngoài cấp không thể hiện những yêu cầu như quy định. Một số trường hợp không phải là giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, mà là giấy xác nhận cư trú, giấy khai sinh... Những vấn đề này đã gây khó khăn cho cán bộ hộ tịch khi xử lý hồ sơ.

Chưa có những quy định để giải quyết vướng mắc về hộ tịch cho trẻ em là con chung của phụ nữ Việt Nam và người nước ngoài khi theo mẹ về sinh sống ở trong nước (chẳng hạn trong các trường hợp chưa có ly hôn hợp pháp hay do các điều kiện sinh sống không phù hợp nên đã bỏ trốn về nước và dẫn theo con).

Thứ hai, pháp luật về hôn nhân có yếu tố nước ngoài có những điểm chưa phù hợp với thực tiễn cuộc sống.

Pháp luật chưa có biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn tình trạng kết hôn giả tạo nhằm mục đích trục lợi hoặc mục đích khác và không phải kết hôn vì tình yêu. Cán bộ hộ tịch biết rõ có sự gian dối nhưng người đăng ký kết hôn đáp ứng đủ các yêu cầu theo quy định về hồ sơ, không vi phạm điều kiện kết hôn, chuẩn bị kỹ các câu trả lời, trong quá trình phỏng vấn họ trả lời các câu hỏi một cách suôn sẻ nên cán bộ hộ tịch không có cơ sở để từ chối giải quyết: (i) Chưa có tiêu chí xác định sự hiểu biết phong tục, tập quán, văn hoá của các nước mà công dân Việt Nam muốn đến đăng ký kết hôn. Khi phỏng vấn kết hôn cán bộ hộ tịch tại các Sở Tư pháp phải tự tìm hiểu qua nhiều kênh thông tin khác nhau, cũng như chưa thể kiểm chứng tính chính xác của các thông tin được thu thập mà phần nhiều dựa vào “niềm tin nội tâm”. Điều này sẽ càng khó khăn hơn khi việc phỏng vấn kết hôn, cấp Giấy chứng

nhận kết hôn có yếu tố nước ngoài được chuyển về Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của Luật Hộ tịch; (ii) Sự hiểu biết lẫn nhau giữa hai bên nam nữ trước khi kết hôn còn hạn chế khiến nhiều phụ nữ Việt sau khi kết hôn lâm vào hoàn cảnh khó khăn, trở trêu dẫn đến hôn nhân tan vỡ. Nhiều trường hợp khi đến phòng vấn kết hôn tại Sở Tư pháp đã thực tế chung sống với nhau và đã có thai, có con chung, đặt Sở Tư pháp vào “tình thế đã rồi”, khó từ chối. Ghi nhận tại Hậu Giang, có tới **336** trẻ em “con lai” được mẹ mang về Việt Nam sinh sống và đang gặp khó khăn trong việc đăng ký khai sinh, quốc tịch và nhập học cho trẻ; (iii) Về giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân. Các nước trên thế giới sử dụng các loại văn bản khác nhau để cấp cho công dân khi họ thực hiện việc đăng ký kết hôn. Ví dụ: Vương quốc Anh cấp Giấy Chứng nhận không cản trở trong việc kết hôn; Liên Bang Úc cấp Công hàm không cản trở kết hôn; Hàn Quốc cấp Giấy chứng nhận; Công Hoà Pháp cấp Giấy Chứng nhận đủ điều kiện kết hôn của một công dân Pháp; Canada, Hoa Kỳ, Singapore, Trung Quốc (Đài Loan) cho công dân tuyên thệ.... Sở Tư pháp cũng chỉ nắm được quy định của một số nước theo kinh nghiệm, nhưng không đầy đủ nên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cũng gặp nhiều khó khăn.

Các Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài hoạt động chưa hiệu quả, kiến thức về pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân, gia đình của Việt Nam, pháp luật của nước ngoài, ngôn ngữ, phong tục, tập quán, văn hóa của các nước trên thế giới... của các tư vấn viên còn hạn chế. Do đó việc tư vấn được thực hiện qua loa, hình thức; chưa góp phần bảo đảm tư vấn giúp người có nhu cầu tư vấn hiểu các quy định pháp luật liên quan đến hôn nhân có yếu tố nước ngoài, những khó khăn, rủi ro có thể gặp do khác biệt ngôn ngữ, văn hóa, phong tục, tập quán, môi trường sống hay cách tự bảo vệ hoặc tìm đến địa chỉ để được giúp đỡ khi gặp rủi ro ở nước ngoài [27].

Thứ ba, pháp luật về quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài có những điểm còn khó khăn trong việc áp dụng [22]. Các nước trên thế giới sử dụng các loại văn bản khác nhau để cấp cho công dân khi họ thực hiện việc đăng ký kết hôn. Ví dụ: Vương quốc Anh cấp Giấy Chứng nhận không cản trở trong việc kết hôn; Liên Bang Úc cấp

Công hàm không cản trở kết hôn; Hàn Quốc cấp Giấy chứng nhận; Cộng Hòa Pháp cấp Giấy Chứng nhận đủ điều kiện kết hôn của một công dân Pháp; Canada, Hoa Kỳ, Singapore, Trung Quốc (Đài Loan) cho công dân tuyên thệ.... Sở Tư pháp cũng chỉ nắm được quy định của một số nước theo kinh nghiệm, nhưng không đầy đủ nên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cũng gặp nhiều khó khăn. Ngoài ra, cán bộ tư pháp đã phát hiện vài trường hợp công dân có hai quốc tịch, “lạnh trí” giấu bớt một passport để khỏi xin hai giấy xác nhận. Hộ chiếu họ giấu thường là hộ chiếu mang quốc tịch Việt Nam vì thủ tục xin giấy xác nhận của Việt Nam khó hơn nước bạn.

Thứ tư, hệ thống pháp luật còn thiếu những thỏa thuận hợp tác, hiệp định tương trợ tư pháp với các nước để tạo cơ chế hữu hiệu cho việc bảo hộ công dân Việt Nam kết hôn với người nước ngoài và sinh sống tại nước ngoài.

Phỏng vấn đối với người có yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. Theo quy định tại Nghị định 126/2014/NĐ-CP thì Sở Tư pháp phỏng vấn để làm rõ sự tự nguyện, mục đích kết hôn, sự hiểu biết của công dân Việt Nam về hoàn cảnh gia đình, hoàn cảnh cá nhân của người nước ngoài, về ngôn ngữ, phong tục tập quán, văn hoá pháp luật về hôn nhân và gia đình của quốc gia, vùng lãnh thổ mà người nước ngoài cư trú. Tuy nhiên, lại không quy định người nước ngoài phải có giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân của mình nên Sở Tư pháp không thể xác định tính chính xác đối với Người nước ngoài: kết hôn lần thứ ba hoặc đã kết hôn và ly hôn với vợ hoặc chồng là công dân Việt Nam; hoặc công dân Việt Nam sẽ không có mặt để đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ở nước ngoài. Đồng thời Nghị định 126/2014/NĐ-CP cũng chưa quy định về thời gian nộp hồ sơ xin cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân lần hai nếu đương sự bị từ chối trong việc phỏng vấn trước. Do vậy, nhiều công dân đã nộp lại hồ sơ sau khi đã bị từ chối.

Ghi vào sổ việc kết hôn. Theo quy định tại Nghị định 126/2014/NĐ-CP và Thông tư 2a/2015/TT-BTP hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài, thì nếu việc cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân không đúng trình tự thủ

tục trước khi công dân Việt Nam đăng ký kết hôn tại nước ngoài thì bị từ chối ghi vào sổ việc kết hôn. Ví dụ: Nếu công dân Việt Nam kết hôn với một số nước không yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (Singapore...) và công dân Việt Nam cũng không xin cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân thì giải quyết việc ghi chú kết hôn như thế nào.

Thứ năm, nhiều mục tiêu đề ra đã không đạt được như việc chấm dứt nạn môi giới hôn nhân bất hợp pháp, đảm bảo hôn nhân tự nguyện, tiến bộ. “Chúng ta không khuyến khích những cuộc hôn nhân “4 không”: Không biết văn hóa, phong tục tập quán, ngôn ngữ, không biết về bản thân người hôn phối, không biết hoàn cảnh gia đình bạn đời và không có tình yêu. Tuy nhiên, cần nhìn nhận việc kết hôn) người nước ngoài là quyền tự do, không thể cấm đoán và việc các ban ngành kiên quyết thực hiện là ngăn chặn, đẩy lùi hiện tượng tiêu cực, lành mạnh hóa trạng kết hôn với người nước ngoài [22].

- Nguyên nhân

Cùng với sự phát triển của quá trình giao lưu quốc tế, các quan hệ về hôn nhân và gia đình giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài cũng phát sinh ngày càng nhiều.

Kết hôn có yếu tố nước ngoài được quy định trong Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014, Nghị định số 126/2014/NĐ-CP và trước đây là Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài, Nghị định số 69/2006/NĐ-CP ngày 21/7/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002, Thông tư số 07/2002/TT-BTP ngày 16/12/2002 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002.

Nhà nước ta đã có hàng loạt các văn bản pháp luật về vấn đề kết hôn giữa người Việt Nam và người nước ngoài như: Pháp lệnh hôn nhân và gia đình giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài (do Ủy ban thường vụ Quốc hội nước

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa IX thông qua ngày 2-12-1993), thông tư liên tịch số 503-TT/LB của Bộ Tư Pháp, Bộ Ngoại Giao và Bộ Nội Vụ về việc hướng dẫn chi tiết thi hành nghị định số 184/CP ngày 30-11-1994 của Chính Phủ quy định về thủ tục kết hôn, nhận con ngoài giá thú, nuôi con nuôi, nhận đỡ đầu giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài...Tuy nhiên, sự phối hợp giữa các cơ quan như Sở Tư pháp, cơ quan Công an và Ủy ban nhân dân vẫn chưa thực sự đồng bộ, sâu sát, công tác quản lý vẫn chưa chặt chẽ. Cụ thể các cơ quan trên vẫn để “lọt lưới” nhiều trường hợp những người nước ngoài đã có gia đình, sức khỏe không đảm bảo, ... mà vẫn được kết hôn với phụ nữ Việt Nam. Nhiều trường hợp người nước ngoài chỉ sang du lịch trong thời gian ngắn, họ đã lừa đảo nhiều cô gái Việt Nam chứ không phải kết hôn thực sự.

Đối với việc quy định thời hạn giải quyết hồ sơ đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài theo quy định tại Khoản 1, Điều 22, Nghị định 126/2013/NĐ-CP của Chính phủ là không quá 25 ngày kể từ ngày Sở Tư pháp nhận đủ hồ sơ hợp lệ và lệ phí. Như vậy, thời hạn giải quyết hồ sơ đăng ký kết hôn được tính theo ngày liên tục, nên trong một số trường hợp ngày hẹn trả kết quả rơi vào ngày chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ, tết (thời gian nghỉ tết khá dài) đã ảnh hưởng đến việc giải quyết hồ sơ cho đương sự [48].

Còn theo quy định tại Khoản 2, Điều 23, Nghị định 126/2013/NĐ-CP của Chính phủ: “Nếu hết thời hạn xác minh theo quy định tại điều này mà cơ quan Công an chưa có văn bản trả lời thì Sở Tư pháp vẫn hoàn tất hồ sơ, đề xuất ý kiến trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định, trong đó nêu rõ vấn đề đã yêu cầu cơ quan Công an xác minh”. Trên thực tế, đa phần các trường hợp yêu cầu cơ quan Công an xác minh là do có khiếu nại, tố cáo về việc kết hôn giả tạo hoặc nghi vấn 2 bên đương sự có mối quan hệ huyết thống với nhau,... Do vậy, khi chưa có văn bản trả lời của cơ quan Công an, Sở Tư pháp thấy chưa đủ cơ sở đề xuất trình Chủ tịch UBND tỉnh ký Giấy chứng nhận kết hôn.

Trào lưu kết hôn không mang tính tự nguyện, kết hôn vì mục đích kinh tế (kết quả khảo sát xã hội học gần đây nhất cho thấy có 31% phụ nữ Việt Nam

muốn lấy chồng nước ngoài để kiếm việc làm, tăng thu nhập; 15,6% muốn lấy chồng nước ngoài giàu có để giúp đỡ gia đình). Điều này không chỉ làm tăng nguy cơ mất cân bằng giới tính ở độ tuổi kết hôn, xúc phạm nhân phẩm phụ nữ Việt Nam mà còn ảnh hưởng sâu sắc đến tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, thuần phong mỹ tục và mối quan hệ đối ngoại giữa Việt Nam với quốc gia, vùng lãnh thổ mà phụ nữ Việt Nam đã kết hôn.

Để làm thủ tục đăng ký kết hôn, phụ nữ Việt Nam và người nước ngoài phải đến sở tư pháp phỏng vấn và làm hồ sơ. Tuy nhiên, có trường hợp người nước ngoài đăng ký trên giấy tờ lại không phải là người mà phụ nữ Việt Nam sẽ lấy. Một phần là do cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam đã chưa nắm chắc được tình hình của người Nước ngoài dự định kết hôn với phụ nữ Việt Nam và do các cơ quan trong nước chưa thực sự quản lý tốt vấn đề này. Việc quy định các văn bản không chặt chẽ đã dẫn đến khó kiểm soát tình trạng trên, ngoài ra các đối tượng môi giới kết hôn cũng hoạt động hết sức mạnh mẽ do công tác quản lý của ta chưa tốt.

Bên cạnh đó, việc cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân dùng cho công dân Việt Nam kết hôn với công dân nước ngoài tại nước ngoài cũng ngày một nhiều, hoặc xác nhận tình trạng hôn nhân để xuất cảnh, du lịch, các mục đích khác, tiềm ẩn những nguy cơ cho phụ nữ như bị lừa bán, bóc lột tình dục,

Hệ thống pháp luật còn thiếu vắng những thoả thuận hợp tác, hiệp định tương trợ tư pháp với các nước để tạo lập cơ chế hữu hiệu cho việc bảo hộ công dân Việt Nam kết hôn với người nước ngoài và sinh sống tại nước ngoài. Để giải quyết những vấn đề xung đột pháp luật và bảo hộ quyền lợi chính đáng của công dân sinh sống ở nước khác, việc các nước ký kết các thoả thuận hợp tác cấp nhà nước về dân sự, các hiệp định tương trợ tư pháp là biện pháp hữu hiệu, tuy nhiên tại Việt Nam việc nghiên cứu, đề xuất việc đàm phán, ký kết thoả thuận với các nước hữu quan để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân Việt Nam kết hôn với người nước ngoài và đang sinh sống ở nước ngoài trên các phương diện quốc tịch, cư trú, hôn nhân và gia đình, tài sản... phù hợp với pháp luật của Việt Nam, pháp luật nước sở tại, pháp luật và tập quán quốc tế .

Thực tế cũng cho thấy do chưa có văn bản hợp tác cấp nhà nước để có giải pháp chung giải quyết những vấn đề xung đột pháp luật nên trong quan hệ công dân Việt Nam kết hôn với công dân ở một số nước, vùng lãnh thổ như Hàn Quốc, Đài Loan nên trên thực tế đã nảy sinh tình trạng lách luật trong việc đăng kí kết hôn, quyền lợi của công dân Việt Nam sinh sống ở nước ngoài chưa được bảo hộ đúng mức. Chẳng hạn, pháp luật Hàn Quốc chấp nhận việc đăng kí kết hôn vắng mặt, trong khi đó pháp luật Việt Nam yêu cầu hai bên nam nữ phải có mặt khi làm thủ tục đăng kí kết hôn. Nhiều đôi trong hôn nhân Hàn-Việt chưa có điều kiện gặp gỡ, tìm hiểu đã đi đến quyết định kết hôn và để giảm thiểu chi phí đi lại, phía Việt Nam sẽ gửi hồ sơ (giấy xác nhận độc thân, bản sao khai sinh, chứng minh nhân dân) sang Hàn Quốc để kê khai việc kết hôn và được nhập tên vào sổ hộ khẩu gia đình người chồng tại Hàn Quốc. Sau đó, công dân Việt Nam có thể đến lãnh sự quán Hàn Quốc tại Việt Nam để được cấp giấy chứng nhận không cản trở việc kết hôn theo luật pháp Hàn Quốc, làm thủ tục ghi chú kết hôn tại sở tư pháp và thực hiện các thủ tục để xuất cảnh đến Hàn Quốc. Ngoài ra, pháp luật Hàn Quốc còn có một số quy định bất lợi đối với người phụ nữ như trường hợp người vợ phải làm việc nhà, nuôi dạy con cái thì không được công nhận đóng góp trong việc hình thành tài sản chung vợ chồng, thủ tục nhập quốc tịch Hàn Quốc tương đối khó khăn và tiềm ẩn nhiều rủi ro cho phía công dân nước ngoài.

Ngoài ra, việc kết hôn có yếu tố nước ngoài cũng phát sinh những hệ lụy mà các địa phương đang “đau đầu” giải quyết đó là vấn đề quốc tịch của chính người Việt Nam, và vấn đề quốc tịch, hộ tịch cho con của họ khi cuộc hôn nhân không hạnh phúc và họ phải trở về địa phương để sinh sống, nhiều trường hợp mang theo con về Việt Nam.

2.2. Các giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài từ thực tiễn tỉnh Hậu Giang

Có thể nói rằng pháp luật Việt Nam đã quy định khá đầy đủ những vấn đề cơ bản về quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài, thể hiện chính sách của Nhà nước Việt Nam trong việc tôn trọng quan hệ kết hôn tự nguyện, tiến bộ, chấp hành quy

định của pháp luật Việt Nam. Cùng với quá trình phát triển kinh tế-xã hội, hội nhập quốc tế sâu rộng, pháp luật về quan hệ hôn nhân và gia đình đã tạo khung pháp lý quan trọng để ghi nhận, bảo hộ các quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài, giữa người nước ngoài với nhau trên lãnh thổ Việt Nam. Tuy nhiên, so với nhu cầu của thực tiễn thì vẫn chưa đáp ứng một cách đầy đủ và hệ thống thành các quy phạm riêng [46].

Trên cơ sở các quy định của pháp luật, cũng như thực trạng công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài tại tỉnh Hậu Giang trong thời gian qua, từ việc đánh giá những ưu điểm và hạn chế trong việc quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài, tác giả đã nghiên cứu và đề xuất một số giải pháp để làm tốt công tác quản lý nhà nước liên quan đến hôn nhân có yếu tố nước ngoài trong thời gian tới. Tác giả chỉ tập trung vào các giải pháp mang tính cốt lõi, đó là: *Giải pháp hoàn thiện pháp luật về hôn nhân có yếu tố nước ngoài; Giải pháp về tổ chức thực hiện pháp luật hôn nhân có yếu tố nước ngoài và các giải pháp khác.*

2.2.1. Giải pháp về hoàn thiện pháp luật về hôn nhân có yếu tố nước ngoài

Tham gia ký kết các Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý (gọi tắt là Hiệp định tương trợ tư pháp).

Đây là một giải pháp mang tính chiến lược lâu dài nhưng rất cần thiết trong lĩnh vực pháp luật. Hoạt động tương trợ tư pháp giữ vai trò quan trọng trong tình hình đang có nhiều biến động như hiện nay. Đặc biệt, là khi Tòa án và các cơ quan Nhà nước giải quyết các sự việc phát sinh có yếu tố nước ngoài, trong đó có vấn đề hôn nhân. Chủ yếu của hoạt động này là do các cơ quan Tư pháp của các quốc gia thực hiện nhằm mục đích hỗ trợ lẫn nhau trên nhiều lĩnh vực. Trong hôn nhân có yếu tố nước ngoài thông qua việc đăng ký kết hôn các Hiệp định tương trợ tư pháp giữa các quốc gia sẽ là phán quyết quan trọng giải quyết được nhiều vấn đề đang tồn tại bất cập. Cụ thể là việc xem xét tính hợp pháp của hôn nhân, điều kiện kết hôn của các chủ thể có đáp ứng được hay không cũng như việc theo dõi cuộc sống sau hôn nhân. Vì đối tượng trong quan hệ này thường tồn tại trong những khu vực lãnh thổ khác nhau. Đa số các vấn đề tiêu cực này thường nảy sinh sau hôn nhân,

quyền và nghĩa vụ các bên bị xâm phạm. Đặc biệt về phía người phụ nữ. Qua nghiên cứu xã hội về cuộc sống của các cặp nam nữ sau khi kết hôn có yếu tố nước ngoài phần lớn đều thiếu hạnh phúc và có khả năng dẫn đến ly hôn. Trong đó, về người phụ nữ bị xâm phạm về danh dự, nhân phẩm mà không có sự hỗ trợ từ phía pháp luật. Pháp luật nước sở tại cũng như pháp luật Việt Nam vẫn chưa có cơ chế bảo vệ quyền lợi cho người nước ngoài.

Luật Hôn nhân và gia đình cần có quy định riêng về điều kiện kết hôn trong hôn nhân có yếu tố nước ngoài

Hiện nay, chỉ mỗi Luật Hôn nhân và gia đình quy định về các điều kiện kết hôn. Tuy nhiên, những quy định này chỉ mới dừng lại ở các quan hệ hôn nhân trong nước và từ đó áp dụng chung cho các quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Theo đó, cần phải có những quy định riêng về các điều kiện kết hôn với người nước ngoài tạo cơ sở pháp lý cho việc quản lý một quan hệ mang tính đặc biệt trong hôn nhân là “hôn nhân có yếu tố nước ngoài” ví dụ: thế nào là hôn nhân tự nguyện, tiến bộ hay sự hiểu biết của các bên tham gia vào quan hệ này về văn hóa, phong tục đối với nước mà mình sẽ kết hôn.

Tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức về hôn nhân có yếu tố nước ngoài cho người dân hiểu và nắm được các quy định của pháp luật

Việc tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền nâng cao ý thức của phụ nữ Việt Nam là một nhiệm vụ hết sức quan trọng, các cơ quan địa phương cần đưa ra những nội dung tuyên truyền như: về thực trạng tình hình buôn bán phụ nữ, bộ mặt thật của bọn môi giới hôn nhân, những cuộc hôn nhân xuyên quốc gia, những giá trị nhân văn của phụ nữ Việt Nam, sự tiến bộ của phụ nữ trong xã hội hiện nay, sự cần thiết và ý nghĩa của giáo dục đối với người dân, cơ hội việc làm trong xã hội, vận động, thuyết phục người dân cho con em đi học tới nơi tới chốn. Để tuyên truyền thật sự có hiệu quả không chỉ có sự định hướng của các cơ quan Trung ương mà cần có sự hoạt động tích cực của chính quyền địa phương. Bởi vì đây là những cơ quan ở gần và nắm rõ tình hình của dân nhất cùng với sự hỗ trợ về mặt chủ thể thực hiện, trước hết cần phải nói đến cơ quan chính quyền địa phương như ủy ban nhân dân

cấp huyện, cấp xã và cơ quan chuyên môn trực thuộc là đầu tàu cho việc tuyên truyền, giáo dục người dân. Đây là chủ thể giữ vai trò đề ra phương hướng, nội dung của việc tuyên truyền, triển khai chính sách của nhà nước đến người dân và kiến nghị khắc phục những hạn chế còn tồn tại lên cơ quan cấp trên. Dựa vào hoạt động quản lý địa phương, các chủ thể sẽ nắm rõ tình hình của địa phương để từ đó phát động tuyên truyền sao cho hiệu quả và phù hợp nhất.

Tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các trường hợp vi phạm về hôn nhân có yếu tố nước ngoài

Góp phần đảm bảo cho các quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài theo đúng quy định thì công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm là rất cần thiết. Để tăng cường thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Các cơ quan chủ quản cần thực hiện nghiêm túc về thanh tra và kiểm tra đối với các cơ quan chuyên môn trong việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị mình như: Sở Tư pháp, các Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân có yếu tố nước ngoài,... Bên cạnh đó, cần phải xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm (nếu cần thiết có thể nêu điển hình trong các cuộc tổng kết công tác của các Bộ ngành nhằm răn đe và hạn chế các trường hợp tương tự trong thời gian tới).

Trước thực trạng kết hôn có yếu tố nước ngoài diễn biến phức tạp, những năm gần đây, Chính phủ đã chỉ đạo chấn chỉnh công tác quản lý hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Tại Hậu Giang, năm 2007, UBND tỉnh Hậu Giang đã ban hành Chỉ thị số 28/2007/CT-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2007 về việc tăng cường công tác đăng ký và quản lý hộ tịch trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Chỉ đạo Sở Tư pháp tăng cường thực hiện quy định về phỏng vấn các bên kết hôn trong thủ tục đăng ký kết hôn và thủ tục ghi chú. Trên cơ sở đó, Sở Tư pháp đã thành lập đội ngũ cán bộ phỏng vấn độc lập với Phòng nghiệp vụ đăng ký hộ tịch nên đã hạn chế tiêu cực, lạm quyền trong quá trình giải quyết và nâng cao chất lượng phỏng vấn. Tỉnh cũng chỉ đạo ngành công an tăng cường thực hiện biện pháp xác minh để làm rõ các trường hợp kết hôn có nghi vấn. Công tác xác minh, phỏng vấn đã giúp cho việc giải quyết

đúng pháp luật, loại trừ các trường hợp kết hôn giả tạo thông qua môi giới bất hợp pháp hoặc kết hôn nhằm mục đích khác [45, 44].

2.2.2. Giải pháp về tổ chức thực hiện pháp luật về hôn nhân có yếu tố nước ngoài

Hiện nay trước những vấn đề phức tạp đã và đang nảy sinh trong thực tế cuộc sống, quá trình giải quyết của các cơ quan có thẩm quyền khi các cá nhân đến đăng ký kết hôn cũng như một số tồn tại nhất định. Việc quản lý về hôn nhân có yếu tố nước ngoài rất khó để thực hiện vì phạm vi tác động của quan hệ này không còn nằm trong khuôn khổ của một quốc gia. Do đó, để vận dụng những quy định của pháp luật vào đời sống một cách hiệu quả, một trong những nhân tố quan trọng đó là khả năng của con người. Trước hết, cần có sự phối hợp hoạt động của các cơ quan nhà nước với nhau. Ngoài Bộ Tư pháp có trách nhiệm chính trong việc quản lý về tình hình hôn nhân có yếu tố nước ngoài, các cơ quan khác như: Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, các tổ chức đoàn thể,... sẽ có những hỗ trợ nhất định để giải quyết những vấn đề phát sinh hiện nay. Bởi vì, mục đích chủ yếu và quan trọng trong hoạt động của cơ quan này là đảm bảo trật tự xã hội. Cụ thể, khi tiến hành công nhận mối quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài, đòi hỏi phải có sự xem xét đầy đủ về điều kiện kết hôn của các chủ thể cũng như có những biện pháp xử lý kịp thời nếu phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Việc thực hiện những nội dung này nếu đơn thuần do một cơ quan đảm trách sẽ không đạt hiệu quả và sẽ dẫn đến sai sót.

Ngoài ra, cần có một chương trình đào tạo đội ngũ cán bộ có chuyên môn phù hợp để đảm nhiệm công việc quản lý nhà nước trong lĩnh vực hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Những người này phải đáp ứng những điều kiện về trình độ pháp luật, có những hiểu biết nhất định về pháp luật quốc gia cũng như tinh thần về Luật Quốc tế nói chung. Trên cơ sở đó, việc áp dụng pháp luật sẽ được thực hiện một cách đúng đắn và hiệu quả hơn.

Như chúng ta đã biết, sau khi Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình và Thông tư số 02a/2015/TT-BTP ngày 23 tháng 02 năm

2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài thì hàng loạt các Trung tâm tư vấn hôn nhân được thành lập với chức năng tư vấn, hỗ trợ và cấp giấy xác nhận của Trung tâm sau khi kết thúc việc tư vấn, hỗ trợ nếu người được tư vấn, hỗ trợ có yêu cầu, không tổ chức thi, sát hạch [7]. Nhưng trong quá trình hoạt động vẫn chưa phát huy hết vai trò và nhiệm vụ chính trị của mình. Là tổ chức trực thuộc Hội Liên Hiệp phụ nữ quản lý chưa hiệu quả. Trong quản lý nhà nước đối với hôn nhân có yếu tố nước ngoài chưa có sự ổn định và chặt chẽ do tính chất công việc này không đòi hỏi chuyên môn sâu hay trình độ chuyên sâu mà chủ yếu là hướng dẫn trợ giúp thông tin cần thiết cho những người có nhu cầu kết hôn. Trong thời gian tới, để thực hiện có hiệu quả Hội Liên Hiệp Phụ nữ cần xem xét để có sự phối hợp trợ giúp từ các cơ quan nhà nước có chức năng liên quan như: Sở Tư pháp, Sở Ngoại vụ, Đoàn Thanh niên, Trung tâm văn hóa thông tin,.. Tổ chức nhiều hình thức như: Lớp học về văn hóa nước ngoài, về phong tục tập quán của các nước đặc biệt là ngôn ngữ hay hỗ trợ về kiến thức pháp luật cho các cá nhân có nguyện vọng kết hôn với người nước ngoài thông qua các buổi sinh hoạt, phổ biến kiến thức pháp luật, các cuộc thi,.. Đây là những trợ giúp mang tính chất “tiền hôn nhân” là cơ sở để đảm bảo sự hòa hợp sau này.

Nhằm tăng cường thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài; đặc biệt là tình hình phụ nữ Việt Nam kết hôn với người nước ngoài, bảo đảm thực hiện hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, góp phần xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững, tôn trọng, giữ gìn những phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, góp phần bảo vệ uy tín của dân tộc Việt Nam và của nhà nước trong quan hệ quốc tế. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ và hiệu quả giữa các cơ quan hữu quan, chính quyền địa phương và gia đình những người kết hôn với người nước ngoài để nắm chắc tình hình phụ nữ Việt Nam kết hôn với người nước ngoài, cùng những hệ quả pháp lý sau đó để có biện pháp ngăn chặn, xử lý vi phạm, tiêu cực trong lĩnh vực này và kịp thời đề xuất, giải quyết vướng mắc tồn tại phát sinh.

Chấm dứt tình trạng môi giới kết hôn bất hợp pháp, xóa bỏ các tụ điểm môi giới dưới bất cứ hình thức nào; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật. Lãnh mạnh hóa các quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài, thực hiện chính sách bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cộng đồng phụ nữ Việt Nam kết hôn với người nước ngoài hiện đang sinh sống ở nước ngoài, nhằm giúp đỡ họ hòa nhập cuộc sống ở nước sở tại và giữ mối liên hệ thường xuyên với Tổ quốc và gia đình ở Việt Nam [40].

Tăng cường công tác dạy nghề giải quyết việc làm cho người lao động. Đây là yếu tố có ý nghĩa then chốt của vấn đề. Khi có công ăn việc làm ổn định, không quá bị thúc bách về vấn đề thu nhập con người sẽ không rơi vào tình trạng nhắm mắt đưa chân. Hơn nữa, có việc làm không chỉ giúp con người có thu nhập mà còn tăng thêm nhận thức và khả năng hiểu biết về mọi mặt, trong đó có nhận thức về các hoạt động của mình. Đồng bằng sông Cửu Long với thế mạnh là lúa gạo, thủy sản và trái cây, vị trí địa lý được thiên nhiên ưu đãi. Tuy nhiên đồng bằng sông Cửu Long chưa được chú trọng phát triển nguồn nhân lực, hàng triệu lao động nông thôn bị dư thừa trong quá trình mất đất vì đô thị hóa. Khi mỗi địa phương đều có cơ hội như nhau người lao động không cần đổ dồn vào những nơi khác mưu sinh, mỗi người đều có cơ hội phấn đấu cho cuộc sống tốt. Đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ việc làm. Có chính sách đầu tư cơ sở vật chất cho các trung tâm giới thiệu việc làm và nâng cao năng lực của các trung tâm này. Các trung tâm giới thiệu việc làm sẽ là cầu nối giữa cung cầu lao động tại địa phương. Hỗ trợ các thành niên đến tuổi lao động được học nghề lao động nông thôn tại các Trung tâm dạy nghề theo kế hoạch dạy nghề hàng năm của từng địa phương hoặc giới thiệu họ đến học nghề tại các cơ sở, tổ chức kinh tế. Điều này giúp giảm áp lực tình trạng thất nghiệp và đi ra nơi khác tìm việc làm của người lao động. Gắn việc đào tạo nghề với xuất khẩu lao động, giám sát và nâng cao trình độ nghiệp vụ cơ quan làm dịch vụ xuất khẩu lao động tại địa phương, khắc phục tình trạng người lao động bị lừa gạt. Bên cạnh đó, cần quan tâm phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm, đảm bảo cuộc sống của phụ nữ, đặc biệt là phụ

nữ ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số và những người bị buôn bán hoặc do hôn nhân bất hạnh trở về quê hương.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiên quyết xóa bỏ các tụ điểm giới thiệu, không để xảy ra hoạt động môi giới kết hôn bất hợp pháp: Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra chặt chẽ việc cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành nghề liên quan đến lĩnh vực hôn nhân và gia đình; rà soát, lập danh sách các doanh nghiệp đăng ký hoạt động kinh doanh dịch vụ các ngành nghề du lịch, tổ chức dịch vụ lễ cưới, tư vấn có liên quan đến hôn nhân và gia đình; có biện pháp xử lý đối với doanh nghiệp có đăng ký ngành nghề nhưng không hoạt động hoặc hoạt động không đúng quy định của pháp luật. Sở Tư pháp chủ trì xây dựng kế hoạch tổ chức thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp đăng ký ngành nghề liên quan đến lĩnh vực hôn nhân và gia đình đang hoạt động trên địa bàn thành phố; phối hợp với Công an thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân các huyện để tiến hành kiểm tra [39].

Công an tăng cường công tác nắm tình hình, kịp thời đấu tranh ngăn chặn, phát hiện, xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài. Mở rộng tổng rà soát, kiên quyết xóa bỏ các cơ sở môi giới hôn nhân bất hợp pháp, các tụ điểm tổ chức cho người nước ngoài xem mặt phụ nữ Việt Nam muốn kết hôn với người nước ngoài. Chấn chỉnh công tác quản lý Nhà nước về an ninh trật tự trên lĩnh vực quản lý nhân khẩu, hộ khẩu, quản lý người nước ngoài, quản lý các cơ sở kinh doanh có điều kiện (khách sạn, nhà nghỉ, nhà trọ,...) nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các vụ việc liên quan đến hoạt động tổ chức cho người nước ngoài xem mặt phụ nữ Việt Nam; môi giới hôn nhân bất hợp pháp [38].

Đảm bảo công tác tiếp nhận, thụ lý, giải quyết hồ sơ đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài chặt chẽ về thủ tục, quy trình theo quy định của Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ: Sở Tư pháp thực hiện nghiêm túc quy định không tiếp nhận hồ sơ đăng ký kết hôn qua người thứ ba; tổ chức phỏng vấn các bên đương sự trong trường hợp nghi vấn kết hôn giả, có quan hệ huyết thống; chênh lệch tuổi tác quá lớn... hoặc có khiếu nại, tố cáo. Thông qua thủ tục niêm yết việc đăng ký kết hôn ở địa phương,

Ủy ban nhân dân các huyện, phường, xã nắm tình hình về công dân Việt Nam kết hôn với người nước ngoài trên địa bàn mình, để tìm hiểu về gia đình, cuộc sống của họ cũng như gia đình họ sau kết hôn và các vấn đề phát sinh khác xảy ra đối với những trường hợp bất hạnh kịp thời báo cáo, đồng thời phối hợp với Sở Tư pháp có hướng giải quyết các vấn đề về hộ tịch, quốc tịch.

Công an tỉnh thực hiện công tác xác minh và thông báo kết quả xác minh theo thời hạn quy định nhằm giúp cho Sở Tư pháp giải quyết hồ sơ chặt chẽ, đúng quy định và đúng thời gian cho công dân. Thông qua công tác quản lý, Sở Tư pháp nghiên cứu các vướng mắc về quy định trong hoạt động của Trung tâm để đề xuất Bộ Tư pháp và Hội Liên hiệp Phụ nữ Trung ương và các Bộ-Ngành chức năng có hướng dẫn chỉ đạo cụ thể.

Cải thiện hoạt động của trung tâm hỗ trợ kết hôn tại Việt Nam [27]. Các Trung tâm hỗ trợ kết hôn trực thuộc Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam thực sự có vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ cho chị em phụ nữ có nhu cầu kết hôn, nhất là kết hôn có yếu tố nước ngoài. Tuy nhiên qua những năm hoạt động các Trung tâm này chưa phát huy được hiệu quả làm việc của mình cũng như sự quan tâm của những người có nhu cầu trong xã hội, chính vì thế cần có những cải thiện tích cực cho những hoạt động của Trung tâm, để giúp Trung tâm này không chỉ làm tốt vai trò của mình mà còn giúp cho xã hội định hướng tình hình kết hôn có yếu tố nước ngoài. Điều đầu tiên nên cải thiện đó là khả năng tài chính của trung tâm. Từ trước đến nay chúng ta luôn nhìn nhận mức độ hoạt động của các trung tâm hỗ trợ kết hôn là phi lợi nhuận, là nhân đạo. Điều này thực sự phù hợp với ý nghĩa truyền thống hôn nhân của người Việt Nam nhưng nó hơi cứng nhắc trong thực tế. Vì khi không đủ khả năng tài chính thì trung tâm sẽ đảm bảo nguồn lực hoạt động cho mình như cơ sở vật chất, đội ngũ nhân viên phục vụ cho công việc, vì vậy, nên để các trung tâm hoạt động theo nguyên tắc tự thu, tự chi và có lợi nhuận như những trung tâm dạy nghề dưới sự giám sát của Hội Liên hiệp phụ nữ và sự quản lý của Bộ Tài chính điều này giúp cho các trung tâm có điều kiện tạo nên cơ sở vật chất đầy đủ thu hút nguồn nhân lực có năng lực chuyên môn làm việc và tạo nguồn nhân lực trong việc

tìm kiếm đối tác trong kết hôn với nhu cầu của xã hội hoặc cho thành lập các trung tâm môi giới hôn nhân tư nhân một cách hợp pháp để hạn chế được tình trạng môi giới kết hôn bất hợp pháp như hiện nay cũng như đảm bảo hơn cho quyền của người kết hôn. Vì nếu thành lập các trung tâm môi giới hôn nhân hợp pháp để thực hiện môi giới trong quan hệ này thì các trung tâm đó phải có trách nhiệm vụ với khách hàng của mình và trách nhiệm trước pháp luật trong việc đăng ký doanh ngành nghề này và nếu được xem như là một ngành nghề kinh doanh hợp pháp thì các trung tâm sẽ cạnh tranh lành mạnh với nhau nhằm phục vụ tốt cho khách hàng (người có nhu cầu kết hôn với người nước ngoài) để lôi kéo khách hàng về phía mình. Vì thế sẽ tạo điều kiện hành lang pháp lý thuận lợi cho việc kết hôn có yếu tố nước ngoài và hạn chế được tình trạng môi giới bất hợp pháp như hiện nay.

Thường xuyên thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, rà soát đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác giải quyết hồ sơ đăng ký kết hôn: Sở Tư pháp có trách nhiệm thường xuyên giáo dục chính trị tư tưởng và rà soát đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác giải quyết hồ sơ đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài, trên cơ sở đó bố trí cán bộ có đủ năng lực, phẩm chất và trình độ chuyên môn làm công tác này; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc giải quyết hồ sơ kết hôn, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những cán bộ có hành vi tiêu cực, những nhiều trong việc giải quyết hồ sơ.

Đồng thời thực hiện nhiều giải pháp chăm lo cho những phụ nữ đã lấy chồng nước ngoài, giúp họ có cuộc sống hạnh phúc, bình yên trên nước bạn và ở cả Việt Nam. Chuyển mô hình “4 không” sang mô hình “5 biết”: Biết văn hóa, phong ngôn ngữ (lập các mô hình tư vấn tại chỗ hoặc chỉ định các công ty làm công tư vấn); Biết luật pháp Việt Nam về hôn nhân gia đình; Biết phong tục tập quán, hóa của nước bạn; Biết điển hình thành công và thất bại trong lấy chồng nước ngoài tại địa phương mình. Biết về người mình sẽ cưới. Biết gia đình, hoàn cảnh của chồng tương lai”.

Tóm lại, để công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài đạt hiệu quả cần có sự liên kết và phối hợp giữa các cơ quan chức năng: Ngành Tư pháp phối

hợp cùng ngành Công an các cấp chính quyền tăng cường công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh; xác minh hồ sơ đăng ký kết hôn trong trường hợp nghi vấn hoặc có khiếu nại, tố cáo về việc kết hôn giả tạo, lợi dụng việc kết hôn nhằm mục đích mua bán phụ nữ, kết hôn vì mục đích trục lợi khác; Tuyên truyền phổ biến pháp luật về hôn nhân và gia đình, tình hình phụ nữ bị lường gạt buôn bán thông qua con đường kết hôn và thông tin cảnh báo cho phụ nữ, các bậc cha mẹ về những rủi ro có thể gặp phải khi kết hôn với người nước ngoài, góp phần tạo chuyển biến cơ bản trong nhận thức của nhân dân về vấn đề này; các cấp chính quyền, cùng ngành Lao động Thương binh & Xã hội quan tâm hơn nữa đến việc phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, tổ chức dạy nghề, tạo công ăn việc làm giúp phụ nữ có việc làm tại chỗ, cải thiện đời sống, góp phần hạn chế các trường hợp kết hôn do đời sống khó khăn, đặc biệt đối với những người ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số và những người bị buôn bán hoặc do hôn nhân bất hạnh trở về quê hương làm ăn sinh sống. Hoàn chỉnh hệ thống pháp luật liên quan đến Hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài; Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm một cách nhanh chóng và kịp thời.

2.2.3. Các giải pháp khác (tỉnh Hậu Giang)

Sau nhiều năm tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị số 03/2005/CT-TTg ngày 25 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý nhà nước đối với quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, đến nay việc giải quyết các vấn đề về quan hệ hôn nhân giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài đã có nhiều chuyển biến tích cực; các cấp, các ngành ở địa phương đã có sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Tư pháp trong việc thẩm tra, xác minh hồ sơ, bảo đảm việc đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài được giải quyết đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Tuyên truyền pháp luật rộng rãi trong cán bộ và nhân dân về Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình; tuyên truyền giáo dục cho chị em phụ nữ nắm vững những quy định pháp luật, biết tự bảo

lĩnh trong hôn nhân, tránh những hành vi lợi dụng hôn nhân nhằm mục đích trục lợi cho cá nhân hay tổ chức; niêm yết địa chỉ, số điện thoại của các cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam, cơ quan cảnh sát, Hội Phụ nữ ở một số nước như Trung, Hàn Quốc để công dân Việt Nam đăng ký kết hôn với người nước ngoài biết khi gặp khó khăn cần được giúp đỡ thì có thể liên hệ.

Những kiến nghị đối với các Sở ban ngành, đoàn thể của tỉnh Hậu Giang

Đối với Sở Tư pháp Hậu Giang

Thứ nhất, Phối hợp chặt chẽ với Công an tỉnh để xác minh làm rõ các trường hợp kết hôn có nghi vấn, đấu tranh có hiệu quả đối với hoạt động môi giới kết hôn bất hợp pháp.

Thứ hai, không tiếp nhận những hồ sơ kết hôn nộp qua người thứ ba; tiến hành xác minh, thành lập Hội đồng phỏng vấn để trực tiếp phỏng vấn các bên đương sự. Trong trường hợp nghi vấn hoặc có khiếu nại, tố cáo kết hôn giả, lợi dụng kết hôn nhằm mục đích mua bán phụ nữ, kết hôn vì mục đích trục lợi hoặc xét thấy có vấn đề cần làm rõ về nhân thân của đương sự hoặc giấy tờ trong hồ sơ đăng ký kết hôn thì tiến hành xác minh làm rõ để góp phần loại trừ những trường hợp kết hôn không bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ.

Thứ ba, đối với trường hợp kết hôn với người nước ngoài, Hàn Quốc... có độ tuổi chênh lệch cao, dị tật, kết hôn nhiều lần, Sở Tư pháp vận động đương sự và gia đình rút hồ sơ đăng ký kết hôn hoặc kéo dài thời gian để hai bên nam nữ tìm hiểu nhau nhiều hơn.

Thứ tư, tiến hành rà soát đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác giải quyết việc đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài, trên cơ sở đó tăng cường quản lý và tiến hành củng cố, luân chuyển và bố trí đội ngũ cán bộ có đủ năng lực, phẩm chất đạo đức và trình độ chuyên môn làm công tác này.

Thứ năm, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về tình hình thực hiện việc giải quyết các vấn đề về quan hệ hôn nhân giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài và kịp thời đề xuất giải pháp khắc phục những vướng mắc, tồn tại nhằm tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước đối với công tác này trên địa bàn tỉnh.

Đối với Công an tỉnh Hậu Giang

Tăng cường các biện pháp để theo dõi, phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm khắc đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh môi giới kết hôn bất hợp pháp đối với những trường hợp có dấu hiệu cấu thành tội phạm, kiên quyết khởi tố để xử lý về hình sự; phối hợp tốt với Sở Tư pháp trong việc thẩm tra xác minh các trường hợp kết hôn có nghi vấn.

Để công tác đấu tranh đạt hiệu quả, lực lượng Công an các cấp tăng cường đẩy mạnh các biện pháp nghiệp vụ như điều tra cơ bản giáo dục về truyền thống hôn nhân và gia đình cho số phụ nữ bị buôn bán trở về gắn với việc tập trung đấu tranh, giải quyết các băng nhóm, vụ việc có liên quan đến hoạt động buôn bán phụ nữ trẻ em.

Đối với Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Hậu Giang

Ban Thường vụ Tỉnh Hội thường xuyên xây dựng kế hoạch chỉ đạo các cấp Hội chọn các địa bàn có đông phụ nữ kết hôn với người nước ngoài làm điểm chỉ đạo nhằm tăng cường công tác tuyên truyền và giáo dục pháp luật về hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Trong những trường hợp cần thiết có chính sách hỗ trợ những chị em phụ nữ có hoàn cảnh may mắn khi trở về nước.

Xây dựng các Câu lạc bộ "Gia đình hạnh phúc". Phòng, chống buôn bán phụ nữ và trẻ em", "Tìm hiểu pháp luật tiền hôn nhân". "Gia đình trẻ"... đồng thời, phối hợp Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch triển khai mô hình "Can thiệp nhằm giảm tiêu cực của tình trạng phụ nữ kết hôn với người nước ngoài" : thành lập các Câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững và tổ tư vấn nhằm đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến cho các tầng lớp nhân dân thấy được những tiêu cực xảy ra từ tình trạng phụ nữ kết hôn với người nước ngoài, nhằm giảm thiểu kết hôn vì mục đích vụ lợi, bảo đảm hôn nhân tiến bộ, hạnh phúc.

Các hoạt động này cung cấp thông tin cảnh báo cho phụ nữ và các bậc cha mẹ nâng cao vai trò trách nhiệm của phụ nữ và gia đình trong việc giữ gìn phát huy truyền thống tốt đẹp của phụ nữ Việt Nam, ngăn chặn các cuộc hôn nhân vì mục đích vụ lợi; lòng ghép nội dung phòng chống mua bán phụ nữ và trẻ em. Chương trình các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ của Hội để tập huấn cho cán bộ phụ nữ cơ sở.

Tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật hôn nhân và gia đình, giáo dục lối sống, tình yêu, hôn nhân tiến bộ, tình trạng môi giới kết hôn bất hợp pháp, tình hình phụ nữ bị lường gạt buôn bán thông qua con đường kết hôn; đồng thời, thông tin cảnh báo cho phụ nữ và các bậc cha mẹ về những rủi ro có thể gặp phải khi chấp nhận kết hôn với người nước ngoài, cuộc sống của phụ nữ sau kết hôn tại nước ngoài (bất đồng về ngôn ngữ, phong tục tập quán, nghề nghiệp, việc làm,...) nhằm giúp chị em hiểu biết đầy đủ, khách quan và chính xác về vấn đề này.

Song song với công tác truyền thông, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh còn tích cực bảo vệ quyền lợi chính đáng của phụ nữ và trẻ em thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, mạnh dạn lên án các hành vi vi phạm danh dự, nhân phẩm của phụ nữ và trẻ em gái; đồng thời, phối hợp các ngành chức năng can thiệp kịp thời những trường hợp phụ nữ và trẻ em gái bị lường gạt.

Ủy ban nhân dân cấp xã

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nghiêm túc các quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc ký xác nhận các loại giấy tờ phục vụ cho việc đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài và tăng cường công tác kiểm tra báo cáo về tình hình đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường chức năng quản lý nhà nước đối với quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan ngăn chặn xử lý kịp thời các tổ chức, cá nhân sai phạm, chấm dứt tình trạng môi giới kết hôn bất hợp pháp, góp phần làm lành mạnh hóa các quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài, loại trừ từng trường hợp kết hôn có tính chất vụ lợi, thực dụng, hưởng các quan hệ hôn nhân này ngày càng phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân gia đình Việt Nam: tự nguyện, tiến bộ, nhằm mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững, phù hợp với thuần phong mỹ tục của dân tộc.

Kết luận chương 2

Trước thực tiễn hôn nhân có yếu tố nước ngoài ngày trở nên phổ biến như hiện nay. Đòi hỏi công tác quản lý phải đảm bảo yêu cầu của sự phát triển của các quan

hệ hôn nhân nói chung (đặc biệt là hôn nhân có yếu tố nước ngoài). Chính vì thế, để tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước đối với quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài; đồng thời khắc phục những mặt sai sót, tồn tại thì cần có: (i) Hệ thống pháp luật điều chỉnh quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài đầy đủ và chặt chẽ nhằm bảo vệ cho các bên khi tham gia vào quan hệ này; (ii) Các cơ quan chuyên các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng các quy định của pháp luật về hôn nhân có yếu tố nước ngoài theo Luật Hôn nhân và gia đình, các Nghị định, Thông tư thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài và các quy định có liên quan; nâng cao nhận thức cho các cá nhân về hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ, một chồng... góp phần xây dựng gia đình hạnh phúc, phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam. Trong đó, yêu cầu quá trình tổ chức tiếp nhận, nghiên cứu, thẩm tra hồ sơ đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài, phải tổ chức phỏng vấn trực tiếp tại Sở Tư pháp để kiểm tra, xác định rõ nhân thân, sự tự nguyện kết hôn và mức độ hiểu biết của hai bên nam, nữ... (iii) Đồng thời Sở Tư pháp phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chủ động kiểm tra, xác minh kỹ các thông tin cần thiết của người yêu cầu cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Việt Nam cư trú trong nước để đăng ký kết hôn với người nước ngoài tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ở nước ngoài. Bên cạnh đó, các ngành, địa phương liên quan thực hiện tốt công tác quản lý và nâng cao năng lực của cán bộ làm công tác chuyên môn về đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tổ chức tuyên truyền về truyền thống văn hóa của dân tộc Việt Nam trong hôn nhân và gia đình, gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”; xây dựng gia đình văn hóa trong xây dựng nông thôn mới.

KẾT LUẬN

Có thể thấy rằng, quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài đóng vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống kinh tế xã hội, hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay. Thời gian qua, thực hiện Chỉ thị số 03/2005/CT-TTg ngày 25 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh đã đạt được những kết quả tích cực. Trong quá trình nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn của quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Luận văn đã khái quát được một số nội dung như sau:

1. Hệ thống các khái niệm (các văn bản quy phạm pháp luật) có liên quan từ đó đưa ra một khái niệm mới “*quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài*” nhằm làm rõ hơn nội dung của đề tài và một quan điểm mới trong khoa học pháp lý (luật học) có thể phục vụ cho các công trình nghiên cứu tiếp theo.

2. Đánh giá được công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài của tỉnh Hậu Giang trong những năm qua. Bên cạnh đó, Luận văn cũng nêu lên được những điểm mới, tích cực khi một số văn bản liên quan đến hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Đặc biệt là, những nội dung về công tác quản lý nhà nước có liên quan được ban hành, đó là cơ sở để tạo điều kiện cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đăng ký kết hôn với công dân trong tỉnh được thuận lợi, bảo đảm quyền nhân thân và lợi ích hợp pháp của công dân.

3. Gần đây khi thực hiện những quy định mới trên địa bàn còn xảy ra những sai sót nhất định như đăng ký nhập hộ khẩu tại tỉnh để đăng ký kết hôn hoặc sử dụng giấy chứng nhận tình trạng hôn nhân để bổ túc hồ sơ đi du lịch nhưng lại đăng ký kết hôn... Mặt khác, quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài tăng nhanh và ngày càng trở nên phức tạp. Phần lớn các quan hệ hôn nhân do mục đích kinh tế hoặc theo trào lưu, kết quả gia đình không hạnh phúc; phụ nữ Việt Nam trước khi ra nước ngoài sinh sống cùng chồng chưa được tư vấn đầy đủ để có những hiểu biết cần thiết về pháp lý, ngôn ngữ, phong tục, tập quán của nước sở tại; do đó, đã gặp

nhều khó khăn trong việc hòa nhập với cộng đồng và ổn định cuộc sống ở nước ngoài. Một số phụ nữ Việt Nam sau khi ra nước ngoài bị rơi vào hoàn cảnh bất hạnh nhưng chưa được pháp luật nước sở tại bảo vệ.

4. Xuất phát từ những quy định của pháp luật và thực trạng của tỉnh Hậu Giang trong vấn đề quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Luận văn đã đề xuất các giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện một số mặt trong công tác quản lý trong lĩnh vực này.

Như chúng ta đã biết công tác quản lý nhà nước phải dựa vào pháp luật. Do đó, những quy định mới ra đời sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý. Thêm vào đó cần có sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo các cấp, cán bộ thực thi nhiệm vụ để đảm bảo quyền, lợi ích chính đáng của công dân Việt Nam, đặc biệt là phụ nữ trong quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính hiện nay ở Việt Nam nói chung và tỉnh Hậu Giang nói riêng.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ trưởng Bộ Tư pháp (2016), *Công văn số 1585/BTP-HTQTCT ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc rà soát, đánh giá tình trạng quốc tịch, hộ tịch của trẻ em là con của công dân Việt Nam với người nước ngoài đang cư trú trên lãnh thổ Việt Nam*, Hà Nội;

2. Bộ Tư pháp (2011), *Quyết định số 86/QĐ-BTP ngày 14 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc phê duyệt Kế hoạch tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 03/2005/CT-TTg ngày 25/02/2005 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý nhà nước đối với quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài và tổng kết việc thực hiện Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài và Nghị định số 69/2006/NĐ-CP ngày 22/6/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2002/NĐ-CP*, Hà Nội;

3. Bộ Tư pháp (2012), *Quyết định số 288/QĐ-BTP ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành quy chế hoạt động của tổ công tác liên ngành về vấn đề kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài*, Hà Nội;

4. Bộ Tư pháp (2013), *Quyết định số 1519/QĐ-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch có yếu tố nước ngoài thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp*, Hà Nội;

5. Bộ tư pháp (2001), *Thông tư Số 07/2001/TT-BTP ngày 10.12.2001 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số qui định của Nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 22.10.2001 của Chính phủ qui định chi tiết về đăng ký kết hôn theo Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 ngày 9.6.2000 của Quốc hội*, Hà Nội;

6. Bộ Tư pháp (2015), *Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch*, Hà Nội;

7. Bộ Tư pháp (2015), *Thông tư 02a/2015/TT-BTP* ngày 23 tháng 02 năm 2015 của Bộ Tư pháp Hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài, Hà Nội;

8. Chính phủ (1997), *Chỉ thị số 766/CT-TTg* ngày 17 tháng 9 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về phân công trách nhiệm thực hiện các biện pháp ngăn chặn việc đưa trái phép phụ nữ và trẻ em ra nước ngoài, Hà Nội;

9. Chính phủ (2010), *Chỉ thị số 1737/CT-TTg* ngày 20 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác bảo hộ quyền và lợi ích chính đáng của công dân Việt Nam di cư ra nước ngoài trong tình hình hiện nay, Hà Nội;

10. Chính phủ (2001), *Nghị định số 70/2001/NĐ-CP* ngày 03/10/2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Hôn nhân và gia đình, Hà Nội;

11. Chính phủ (2002), *Nghị định số 32/2002/NĐ-CP* ngày 27 tháng 3 năm 2002 của Chính phủ quy định việc áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình đối với các dân tộc thiểu số, Hà Nội;

12. Chính phủ (2002), *Nghị định 68/2002/NĐ-CP* ngày 10 tháng 7 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài, Hà Nội;

13. Chính phủ (2005), *Nghị định số 158/2005/NĐ-CP* ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính Phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch, Hà Nội;

14. Chính phủ (2006), *Nghị định số 69/2006/NĐ-CP* ngày 21 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2002/NĐ-CP (sau đây gọi là *Nghị định số 69/2006/NĐ-CP*), Hà Nội;

15. Chính phủ (2012), *Nghị định 06/2012/NĐ-CP* ngày 02/02/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về hộ tịch, hôn nhân và gia đình và chứng thực, Hà Nội;

16. Chính phủ (2013), *Nghị định 24/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài*, Hà Nội;

17. Chính phủ (2014), *Nghị định 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình*, Hà Nội;

18. Chính phủ (2001), *Nghị định 87/2001/NĐ-CP ngày 21/11/2001 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình*, Hà Nội;

19. Chính phủ (2011), *Quyết định số 1173/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về việc ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật phòng, chống mua bán người*, Hà Nội;

20. Trọng Cần (2014), *Phụ nữ kết hôn với người nước ngoài: Thực trạng và giải pháp*, Tiền Giang;

21. Công an tỉnh Hậu Giang (2014), *Báo cáo Tổng kết tình hình phụ nữ kết hôn có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hậu Giang (từ 2004 đến hết năm 2013)*;

22. Cục Công tác phía Nam - Bộ Tư pháp (2015), Chuyên đề “*Tình hình kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực phía Nam. Thực trạng và giải pháp*”, Cục Công tác phía Nam;

23. Nguyễn Thị Đào (2016), *Tập bài giảng: Quản lý hành chính nhà nước những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Đại học Luật Hà Nội;

24. Nguyễn Thu Giang (2008), chủ nhiệm đề tài “*Hôn nhân có yếu tố nước ngoài tại Thành phố Hồ Chí Minh. Thực trạng, vấn đề đặt ra và phương hướng đổi mới*”. Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;

25. Nguyễn Hồng Hải (2016), Tham luận về Dự án “*Hỗ trợ hôn nhân Hàn Quốc*” trên địa bàn Hậu Giang, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Hậu Giang;

26. Hà Thị Mai Hiên (2004), *Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình (phần 1)*, Nhà xuất bản Công an nhân dân;

27. Trương Quang Hồng - Lê Thị Hoàng Thanh (2011), *Pháp luật Việt Nam về quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài*, Tạp chí Luật học, (số 9), tr 59-70;
28. Hội Liên hiệp phụ nữ thành phố Cần Thơ (2015), Chuyên đề “*Hoạt động tư vấn trước khi kết hôn, định hướng, giới thiệu kiến thức cơ bản khi ra nước ngoài sinh sống, hỗ trợ hoàn thiện thủ tục pháp lý cho phụ nữ kết hôn với Người nước ngoài tại thành phố Cần Thơ*” Cần Thơ;
29. Nguyễn Công Khanh (2008), Chủ nhiệm đề tài “*Hôn nhân có yếu tố nước ngoài ở khu vực Nam bộ hiện nay*”, Học viện Chính trị - Hành chính khu vực II
30. Quốc hội (2013), *Hiến pháp năm 2013*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
31. Quốc hội (2015), *Bộ Luật Dân sự năm 2015*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
32. Quốc hội (2014), *Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
33. Quốc hội (2014), *Luật Hộ tịch năm 2014*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
34. Quốc hội (2014), *Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
35. Quốc hội (2000), *Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình*, Hà Nội;
36. Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp (2015), Chuyên đề “*Công tác tham mưu của Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong quản lý nhà nước về đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại tỉnh Đồng Tháp*”, Đồng Tháp;
37. Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang (2015), *Báo cáo tổng kết số lượng hôn nhân có yếu tố nước ngoài (từ năm 2011 đến năm 2015)*, Hậu Giang;
38. Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang (2015); Chuyên đề “*Thực trạng cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Việt Nam đăng ký kết hôn với Người nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hậu Giang*”, Hậu Giang;
39. Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh (2015); Chuyên đề “*Công tác phối hợp giữa Sở Tư pháp và Công an tỉnh trong việc xác minh hồ sơ đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại tỉnh Tây Ninh*”, Tây Ninh;

40. Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (2015), Chuyên đề “*Tình hình thực hiện quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu*”, Bà Rịa -Vũng Tàu;

41. Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (2015), Chuyên đề “*Thực trạng phụ nữ kết hôn với Người nước ngoài tại tỉnh Sóc Trăng và một số giải pháp*”, Sóc Trăng;

42. TANDTC-VKSNDTC-BTP (2001), *Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 3 tháng 01 năm 2001 của TANNTC, VKSNDTC, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 9.6.2000 của Quốc hội "Về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000"*, Hà Nội;

43. Tòa án nhân dân tối cao (2000), *Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23 tháng 12 năm 2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật HN và GD năm 2000*, Hà Nội;

44. Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang (2009), *Báo cáo về việc thực hiện Chỉ thị số 03/2005/CT-TTg ngày 25 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý nhà nước đối với quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài*, Hậu Giang;

45. Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang (2012), *Quyết định số 46/2012/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành quy định về quản lý thống nhất các loại hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh Hậu Giang*, Hậu Giang;

46. Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang (2014), *Công văn số 1300/UBND-NV ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc tạo điều kiện cho trẻ em mang quốc tịch nước ngoài trong độ tuổi đi học được tham gia học tập*, Hậu Giang;

47. Văn Phòng Chính phủ (2011), *Thông báo 133/TB-VPCP ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Văn phòng Chính phủ về ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân tại Hội nghị toàn quốc về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài*, Hà Nội.